

**PHỤ LỤC IV**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng  
Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI  
XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....**1.7**...../BC-TL

Bình Dương, ngày 18 tháng 04 năm 2025

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Năm 2024**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**I. THÔNG TIN CHUNG:**

**1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700146458
- Vốn điều lệ: 2.366.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Số 63 Đường Yersin, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Số điện thoại: (0274) 3829534 - 3829535
- Số fax: (0274) 3824112 - 3829533
- Website: <http://thalexim.vn/>
- Mã cổ phiếu: TLP

***Quá trình hình thành và phát triển:***

Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP nguyên là Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên được cổ phần hóa theo Quyết định số 1165/QĐ-TTg ngày 09/08/2017 về việc phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty Mẹ - Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên.

Tổng Công ty đã được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số 3700146458, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02/01/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 22/12/2023.

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- Ngành nghề kinh doanh chính: Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP là doanh nghiệp đã được Bộ Công thương cấp Giấy xác nhận đủ



điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu xăng dầu, mua bán nguyên liệu, nhiên liệu xăng dầu, có mạng lưới bán buôn, bán lẻ xăng dầu.

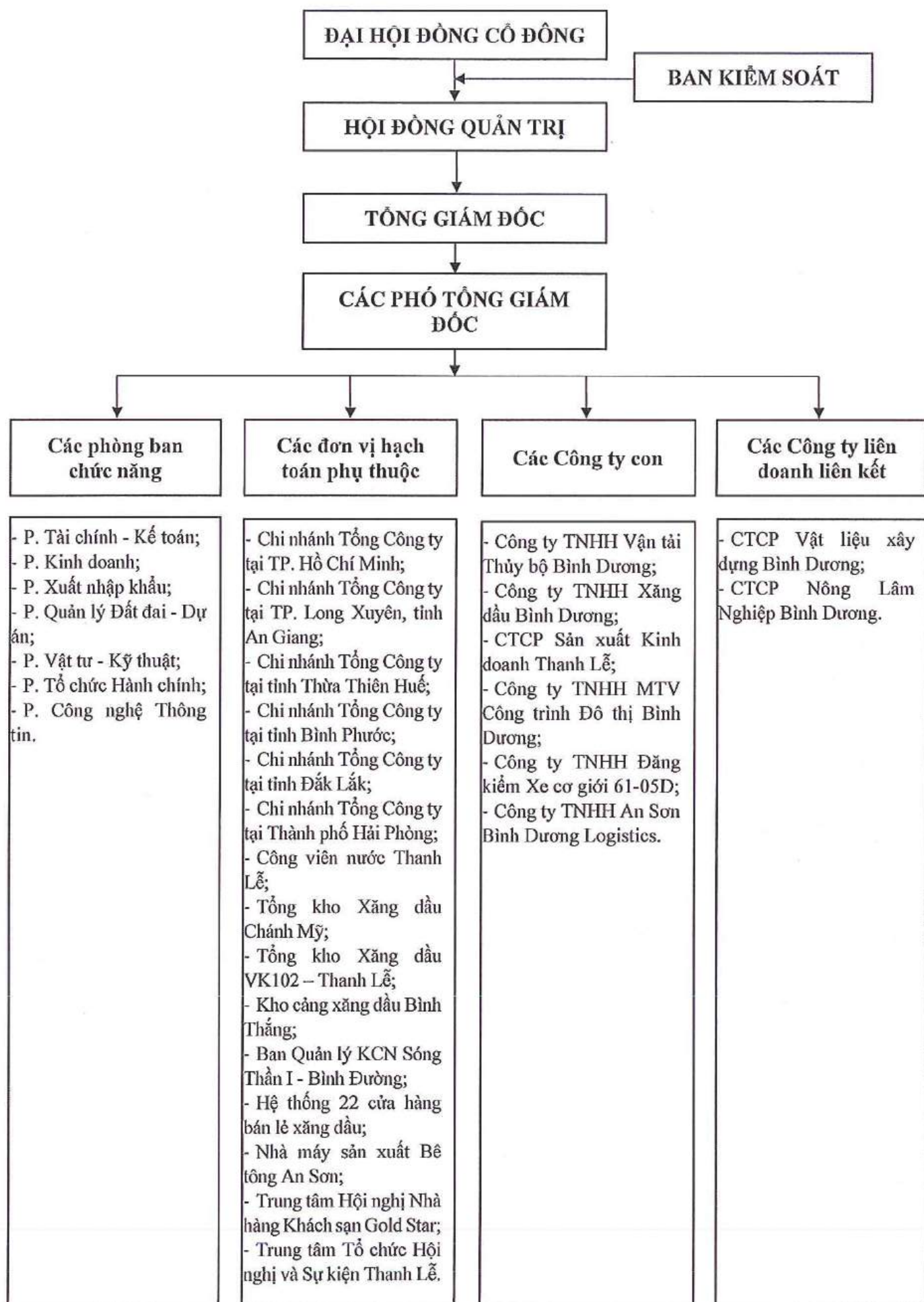
- Các ngành nghề khác: Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi, nhà xưởng; Đầu tư, xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị, ...

- Địa bàn kinh doanh: Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Phước, ...

### **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

#### **3.1. Mô hình quản trị:**

Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP thực hiện việc tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp.





### 3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP dưới sự định hướng, quản trị, điều hành và giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành (Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng), trong đó:

**Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết hoặc được người cổ đông uỷ quyền. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- Thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán; báo cáo của Hội đồng quản trị và báo cáo của Ban Kiểm soát;
- Thông qua kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty;
- Thông qua mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;
- Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- Quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Thông qua tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị;
- Thông qua bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng Công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng Công ty và chỉ định người thanh lý;
- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng Công ty và các cổ đông;
- Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính riêng (nếu có) kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
- Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
- Quyết định ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính riêng (nếu có) kỳ gần nhất;
- Quyết định các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn



hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty ghi trong báo cáo tài chính riêng gần nhất giữa Tổng Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;

- Quyết định cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này.

- Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật về Điều lệ Tổng Công ty.

**Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty ngoại trừ thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty là 05 (năm) thành viên, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Nhiệm kỳ của mỗi thành viên không quá 05 (năm) năm, có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

**Ban kiểm soát:** Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với vai trò thay mặt các cổ đông thực hiện giám sát, đánh giá Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong việc quản lý, điều hành Tổng Công ty Thanh Lễ theo quy định của Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng Công ty là 03 (ba) thành viên với nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện đề ra trong Điều lệ của Tổng Công ty và quy định tại Luật Doanh nghiệp.

**Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc:**

- Tổng Giám đốc: Là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty Thanh Lễ, thực hiện điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty theo mục tiêu, kế hoạch, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện các với nhiệm vụ được giao. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm của Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty và pháp luật có liên quan.

Bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc: Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty. Bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc bao gồm:

• Các Phó Tổng giám đốc: Năm 2024, Tổng Công ty Thanh Lễ có 02 Phó Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công và uỷ quyền của Tổng Giám đốc. Các Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về việc thực hiện chức năng và quyền hạn của mình trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật.



• Kế toán trưởng: Trực tiếp tổ chức thực hiện công tác kế toán - tài chính của Tổng Công ty Thanh Lễ. Kế toán trưởng có nhiệm vụ đảm bảo mọi hoạt động tài chính, kế toán và việc sử dụng các nguồn lực tài chính của Tổng Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

• Các phòng chức năng: Tổng Công ty Thanh Lễ có 07 phòng ban chuyên môn được phân công nhiệm vụ theo từng lĩnh vực trong công tác tổ chức, quản lý điều hành bao gồm: Phòng Tài chính – Kế toán; Phòng Kinh doanh; Phòng Xuất nhập khẩu; Phòng Quản lý Đất đai – Dự án; Phòng Vật tư – Kỹ thuật; Phòng Tổ chức Hành chính và Phòng Công nghệ Thông tin.

### 3.3. Các Công ty con, các Công ty liên kết:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ của công ty con, công ty liên kết (đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty
<b>Công ty con</b>					
1	Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	Thủ Dầu Một, Bình Dương	Vận tải xăng dầu, kinh doanh mặt hàng cát xây dựng và san lấp mặt bằng, kinh doanh xăng dầu.	66.088.039.787	57,97%
2	Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Thủ Dầu Một, Bình Dương	Kinh doanh xăng dầu.	30.000.000.000	80,00%
3	Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Thủ Dầu Một, Bình Dương	Sản xuất nước đóng chai, kinh doanh bao bì, cho thuê nhà xưởng.	13.500.000.000	56,84%
4	Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	Thủ Dầu Một, Bình Dương	Dịch vụ vệ sinh đô thị, trồng và chăm sóc cây xanh, duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng và thoát nước đô thị.	26.000.000.000	100%
5	Công ty TNHH Đăng kiểm Xe cơ giới 61-05D	Tân Uyên, Bình Dương	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật, bảo dưỡng sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác, bán buôn sản phẩm nhiên liệu.	15.000.000.000	100%



STT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ của công ty con, công ty liên kết (đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty
6	Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	Thuận An, Bình Dương	Kho bãi, lưu giữ và vận chuyển hàng hóa.	800.000.000.000	60,00%
<b>Công ty liên kết</b>					
1	Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Phú Giáo, Bình Dương	Cung cấp các loại giống cây trồng.	106.883.630.000	35,02%
2	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Dĩ An, Bình Dương	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; sản xuất vật liệu xây dựng.	1.000.000.000.000	25%

#### **4. Định hướng phát triển:**

- Các mục tiêu chủ yếu của Tổng Công ty:

Thường xuyên tiến hành rà soát, kịp thời ứng phó và thích nghi với những thay đổi liên tục của thị trường, nghiên cứu các giải pháp tăng cường hiệu quả quản lý và hạn chế tối đa rủi ro, điều hành linh hoạt bám sát tình hình thực tế để đạt mục tiêu năm 2025 có sự tăng trưởng phù hợp.

Tổ chức tốt công tác dự báo, đảm bảo nguồn cung, duy trì ổn định thị trường, cân đối cung cầu, phân đầu thực hiện tổng nguồn xăng dầu tối thiểu năm 2025 được Bộ Công thương phân giao, hài hoà với năng lực.

Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động, quản lý công nợ, quản lý chi phí để đảm bảo việc quản lý, huy động, sử dụng vốn đúng mục đích, an toàn, hiệu quả.

Chủ động thực hiện các biện pháp để tiết giảm chi phí trên toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty, nâng cao ý thức và tinh thần tiết kiệm chi phí ở tất cả các khâu, áp dụng công nghệ để quản lý hao hụt tối ưu, rà soát đánh giá lại công tác quản lý tài sản, đất đai, tránh gây lãng phí, thất thoát.

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và công ty con quyết tâm thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh ở mức cao nhất để gia tăng lợi nhuận góp phần hoàn thành mục tiêu chung của Tổng Công ty.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Thúc đẩy chủ trương phát triển thị trường, khách hàng để gia tăng sản lượng và hiệu quả kinh doanh bán buôn; gia tăng sản lượng và phát huy tối đa hiệu quả của hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu hiện hữu. Hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật tại các kho xăng dầu, hệ thống tuyến ống nhập xuất xăng dầu để ổn định sức chứa, đảm bảo công tác tạo nguồn và dự trữ hàng hóa theo quy định.

Tiếp tục đầu tư phát triển mạng lưới cửa hàng bán lẻ xăng dầu để tiếp tục củng cố vững chắc kênh bán lẻ trực tiếp. Bên cạnh đó, nghiên cứu đầu tư khai thác chuỗi giá trị tiện ích gia tăng của hệ thống bán lẻ.



Đối với các lĩnh vực kinh doanh khác, tiếp tục phát huy và khai thác có hiệu quả sức mạnh tổng thể của hệ sinh thái ngoài xăng dầu.

- Các mục tiêu phát triển bền vững:

Lựa chọn các dự án đầu tư trọng điểm, có hiệu quả, tập trung khai thác tối đa cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có. Phát triển ổn định, bền vững, an toàn và hiệu quả, gắn hoạt động sản xuất kinh doanh với bảo vệ môi trường và hướng tới lợi ích chung của toàn xã hội.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản trị điều hành hướng đến mô hình quản trị hiện đại, minh bạch, chuyên nghiệp, áp dụng khoa học công nghệ, số hóa, tự động hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ khách hàng.

Chú trọng nâng cao phúc lợi, quan tâm thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật, triển khai nhiều biện pháp đảm bảo an toàn lao động phù hợp với điều kiện làm việc tạo niềm tin và sự gắn kết lâu dài giữa người lao động và Tổng Công ty.

## **5. Các rủi ro:**

### **5.1. Rủi ro về kinh tế:**

Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với nhiều yếu tố rủi ro, bất định. Xung đột quân sự tiếp tục leo thang, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra ngày càng gay gắt, nhiều quốc gia tăng cường chính sách bảo hộ thương mại, nợ công và thâm hụt ngân sách gia tăng, chuỗi cung ứng toàn cầu đứt gãy cục bộ, đã tác động đến hòa bình, ổn định và tăng trưởng kinh tế thế giới. Thương mại toàn cầu phục hồi chậm, thiếu vững chắc, tổng cầu, đầu tư sụt giảm, tỷ giá, lãi suất biến động khó lường. Trong nước, nền kinh tế phải đối mặt với sự suy giảm nhu cầu tiêu dùng trong nước, khó khăn trong xuất khẩu do thị trường thế giới thu hẹp và áp lực từ giá nguyên liệu đầu vào tăng.

Rủi ro lãi suất: Lãi suất là một chỉ số tài chính quan trọng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh do một phần vốn lưu động và đầu tư là vốn vay. Tuy các tổ chức tín dụng đã thực hiện duy trì ổn định mặt bằng lãi suất huy động, lãi suất cho vay, nhưng các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu vẫn gặp khó khăn khi không tiếp cận được nguồn vốn tín dụng, ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh.

Rủi ro tỷ giá: Tỷ giá đồng USD tăng mạnh dẫn đến chi phí tài chính tăng do chênh lệch tỷ giá cũng gây ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Tổng Công ty.

### **5.2. Rủi ro về đặc thù ngành:**

- Rủi ro biến động về giá xăng dầu: Hiện nay, biến động giá xăng dầu trên thị trường quốc tế tác động trực tiếp đến giá cả các mặt hàng xăng dầu trong nước. Giá xăng dầu biến động liên tục, khó lường và phụ thuộc vào nhiều yếu tố như tình hình địa chính trị, chính sách tiền tệ cũng như các yếu tố tài chính, tâm lý thị trường khác.

- Rủi ro về cơ chế điều hành của Nhà nước: Điều hành kinh doanh xăng dầu của Chính phủ trong những năm gần đây đã thể hiện sự minh bạch và tiếp cận thị trường, tuy nhiên vẫn còn những bất cập, tiềm ẩn rủi ro cho doanh nghiệp như công thức và cơ chế tính giá; thương nhân kinh doanh xăng dầu không chủ động trong



quyết định giá bán lẻ xăng dầu; giá cơ sở các mặt hàng xăng dầu căn cứ vào các yếu tố hình thành trong quá khứ với thời gian tương đối dài dẫn tới chưa sát với thực tế; quy định duy trì mức dự trữ tối thiểu 20 ngày cung ứng nên khi giá xăng dầu liên tục giảm sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh do hàng tồn kho đầu năm có giá vốn cao.

- Rủi ro cháy nổ, ô nhiễm môi trường: Kinh doanh xăng dầu là ngành nghề có rủi ro cao về cháy, nổ, ô nhiễm môi trường,... Khi có sự cố xảy ra sẽ để lại hệ quả nặng nề đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, để hạn chế và kiểm soát những rủi ro đặc thù này, Tổng Công ty luôn tuân thủ quy định về PCCC, trang bị đầy đủ thiết bị phòng cháy, chữa cháy tại các kho xăng dầu, cửa hàng bán lẻ xăng dầu và địa điểm hoạt động khác theo đúng quy định; tổ chức các khóa học về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường cho nhân viên trực tiếp kinh doanh; tổ chức lực lượng chữa cháy tại chỗ ứng phó khi sự cố xảy ra; thuê đơn vị chuyên ngành triển khai các giải pháp phòng, chống và ứng phó sự cố tràn dầu; tham gia đầy đủ bảo hiểm rủi ro tài sản, bảo hiểm cháy nổ.

### 5.3. Rủi ro khác:

Bên cạnh những rủi ro trên, vẫn còn tồn tại một số rủi ro mang yếu tố khách quan như: ảnh hưởng của thời tiết, thiên tai, động đất, hỏa hoạn, dịch bệnh hiểm nghèo có quy mô lớn,... Đây là những rủi ro hiếm khi xảy ra nhưng nếu xuất hiện sẽ để lại hậu quả vô cùng nghiêm trọng và có sức ảnh hưởng lớn đối với xã hội nói chung và Tổng Công ty nói riêng.

Để phòng ngừa và hạn chế tất cả rủi ro trên, Tổng Công ty tập trung thực hiện các giải pháp bảo đảm chủ động nguồn hàng, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh; Chú trọng công tác quản trị doanh nghiệp, ban hành những giải pháp đúng đắn, quyết định kịp thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

#### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

*Đơn vị tính: Đồng*

STT	Chỉ tiêu	Kết quả kinh doanh công ty mẹ	Kết quả kinh doanh hợp nhất
1	Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh	19.953.182.244.814	20.271.716.329.351
2	Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	155.209.344.754	130.227.054.417
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	49.135.219.221	98.415.866.979
4	Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	0	12.505.289.350
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	49.135.219.221	85.910.577.629

*(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán)*

#### Tình hình thực hiện so với kế hoạch:



Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ đạt được
Tổng doanh thu	23.239.952.000.000	20.401.943.383.768	87,79%
Lợi nhuận trước thuế	175.940.000.000	98.415.866.979	55,94%
Lợi nhuận sau thuế	146.750.000.000	85.910.577.629	58,54%

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024 và BCTC hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán)

- Năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh không đạt so với Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông do ảnh hưởng bởi các yếu tố sau:

Doanh thu hoạt động kinh doanh xăng dầu chiếm 98% trên tổng doanh thu, do đó kinh doanh xăng dầu ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty. So với đầu năm, giá xăng và giá dầu giảm lần lượt gần 6,3% và gần 3,8%. Giá xăng dầu biến động mạnh, có xu hướng tăng trong Quý 1, giảm trong Quý 2, liên tục giảm sâu trong Quý 3 và chỉ tăng nhẹ trở lại trong Quý 4 năm 2024. Do phải bảo đảm duy trì mức dự trữ tối thiểu 20 ngày cung ứng nên khi giá xăng dầu liên tục giảm sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh do hàng tồn kho đầu năm có giá vốn cao.

Chi phí đầu tư, quản lý tăng: Với địa bàn kinh doanh là mạng lưới cửa hàng bán lẻ xăng dầu rộng lớn trải dài qua nhiều tỉnh, thành phố và hệ thống các kho, cảng xăng dầu nên chi phí cố định lớn, đồng thời phải đáp ứng các điều kiện theo quy định về phòng cháy, chữa cháy, môi trường, an toàn vận hành nên phát sinh chi phí lớn để duy tu, cải tạo, bảo dưỡng, đầu tư nâng cấp.

Hoạt động kinh doanh bất động sản chủ yếu là cho thuê nhà xưởng, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, kho bãi, chuyển nhượng nhà đất từ khu Biệt thự vườn Chánh Mỹ và các hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác: Doanh thu tương đối ổn định, nhưng chưa có tăng trưởng, bứt phá.

Đồng thời trong năm 2024, Tổng Công ty phải thực hiện phân bổ vào kết quả kinh doanh khoản lợi thế kinh doanh bổ sung theo Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương nên chi phí tăng 76.854.145.430 đồng.

Bên cạnh đó, là các yếu tố về tỷ giá, lãi suất cho vay và sự cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành.

Để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ trọng tâm được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Tổng Công ty đã chủ động nắm bắt tình hình, bám sát diễn biến thị trường xăng dầu, thực hiện đồng bộ các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế để vượt qua giai đoạn khó khăn chung, tiết giảm chi phí, kiểm soát chất lượng xăng dầu, bảo vệ thương hiệu, duy trì ổn định mạng lưới phân phối, đảm bảo nguồn cung xăng dầu phục vụ kinh tế - xã hội và thực hiện tốt nghĩa vụ thu nộp ngân sách nhà nước.

## 2. Tổ chức và nhân sự:

### 2.1. Danh sách Ban Điều hành:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị:



- Họ và tên: Đoàn Minh Quang
- Giới tính: Nam
- Sinh năm: 1957
- Số CCCD: 074057006158
- Quốc tịch: Việt Nam                      Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: B49a, Tổ 60, Khu 4, P. Hiệp Thành, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Hành chính.
- Chức vụ hiện tại tại Tổng Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Đá Núi Nhỏ.
- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 2.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0009% vốn điều lệ, trong đó:
  - Số lượng cổ phần sở hữu: 2.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0009% vốn điều lệ.
  - Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần của người có liên quan: 11.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0047% vốn điều lệ.
- Khoản nợ với Tổng Công ty: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có.
- **Tổng Giám đốc:**
  - Họ và tên: Phạm Thị Băng Trang
  - Giới tính: Nữ
  - Sinh năm: 1965
  - Số CCCD: 070165006381
  - Quốc tịch: Việt Nam                      Dân tộc: Kinh
  - Địa chỉ thường trú: 109/1 Khu phố Thạnh Lợi, P. An Thạnh, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán.
  - Chức vụ hiện tại tại Tổng Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc.
  - Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương, Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Gạch ngói cao cấp.
  - Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 3.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0014% vốn điều lệ, trong đó:
    - Số lượng cổ phần sở hữu: 3.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0014% vốn điều lệ.
    - Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
  - Số cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
  - Khoản nợ với Tổng Công ty: Không có.

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có.

• **Phó Tổng Giám đốc:**

- Họ và tên: Phạm Thị Kim Thành

- Giới tính: Nữ

- Sinh năm: 1974

- Số CCCD: 074174000492

- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 186 Phạm Ngũ Lão, P. Hiệp Thành, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh.

- Chức vụ hiện tại tại Tổng Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc.

- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.

- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 85.183.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 36,003% vốn điều lệ, trong đó:

➤ Số lượng cổ phần sở hữu: 7.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,003% vốn điều lệ.

➤ Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 85.176.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 36% vốn điều lệ.

- Số cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

- Khoản nợ với Tổng Công ty: Không có.

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có.

• **Phó Tổng Giám đốc:**

- Họ và tên: Đặng Văn Đoàn

- Giới tính: Nam

- Sinh năm: 1960

- Số CCCD: 074060005742

- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 88/6 Ngô Quyền, P. Phú Cường, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật.

- Chức vụ hiện tại tại Tổng Công ty: Phó Tổng Giám đốc.

- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.

- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 3.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0015% vốn điều lệ, trong đó:

➤ Số lượng cổ phần sở hữu: 3.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0015% vốn điều lệ.

➤ Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

- Số cổ phần của người có liên quan: 12.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0051% vốn điều lệ.

- Khoản nợ với Tổng Công ty: Không có.

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có.

• **Kế toán trưởng:**

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao



- Giới tính: Nữ
- Sinh năm: 1984
- Số CCCD: 074184000425
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 289 Thích Quảng Đức, P. Phú Cường, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán.
- Chức vụ hiện tại tại Tổng Công ty: Kế toán trưởng.
- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 5.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0025% vốn điều lệ, trong đó:

- Số lượng cổ phần sở hữu: 5.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0025% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Khoản nợ với Tổng Công ty: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có.

**2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:** Không có

**2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:**

Tính đến ngày 17/04/2025, tổng số cán bộ, nhân viên: 475 người; trong đó nữ: 123 người, nam: 352 người.

- Trình độ đại học và trên đại học: 138 người;
- Trình độ cao đẳng: 13 người;
- Trình độ trung cấp, lao động phổ thông: 324 người.

Với quan điểm người lao động là yếu tố quan trọng hàng đầu đối với sự phát triển, Tổng Công ty không ngừng xây dựng nguồn nhân lực vững mạnh, giàu nhiệt huyết, giỏi chuyên môn, gắn bó lâu dài. Chế độ đãi ngộ, phúc lợi luôn được Tổng Công ty quan tâm thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Cùng với đó, triển khai nhiều biện pháp đảm bảo an toàn lao động phù hợp với điều kiện làm việc, tạo niềm tin và sự gắn kết lâu dài giữa người lao động và Tổng Công ty.

Khuyến khích, tạo điều kiện để đội ngũ quản lý và người lao động tham gia các khóa đào tạo để cập nhật và nâng cao trình độ, góp phần cải thiện kết quả hoạt động dựa trên nền tảng phát triển công nghệ, tối ưu hóa quá trình làm việc.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện của các dự án:**

**3.1. Các khoản đầu tư lớn:**

- Đầu tư phát triển, hiện đại hóa hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu. Triển khai thực hiện phát hành hóa đơn điện tử theo từng lần bán hàng tại các cửa hàng bán lẻ xăng dầu, góp phần đẩy mạnh công tác số hóa quản lý bán hàng và chủ động lưu trữ dữ liệu bán hàng, phục vụ quản lý hoạt động kinh doanh, rút ngắn thời gian xuất hóa đơn, phục vụ công tác kiểm tra của cơ quan nhà nước, từng bước tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, minh bạch, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Hoàn thành đầu tư cải tạo nâng cấp Cửa hàng xăng dầu số 6, Cửa hàng xăng dầu số 7, Cửa hàng xăng dầu số 8, Cửa hàng xăng dầu số 10, Cửa



hàng xăng dầu 750, Cửa hàng xăng dầu Lai Hưng, Cửa hàng xăng dầu số 14, Cửa hàng xăng dầu số 16.

- Thực hiện chuyển đổi số hệ thống kho, bể xăng dầu theo hướng an toàn, xanh, sạch, thông minh, ứng dụng giải pháp công nghệ để phục vụ công tác quản lý, quản trị, giám sát. Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền thực hiện định kỳ đánh giá an ninh cảng biển. Tất cả các kho xăng dầu đều được tổ chức diễn tập phương án phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố môi trường với sự tham gia của lực lượng chức năng nhằm nâng cao tính sẵn sàng ứng cứu của lực lượng tại chỗ và ý thức an toàn của người lao động.

- Thành lập và đưa Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Hải Phòng đi vào hoạt động, thực hiện mục tiêu mở rộng hoạt động kinh doanh xăng dầu tại các tỉnh phía Bắc.

- Dự án cảng cạn An Sơn: Đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt chủ trương điều chỉnh tại Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 01/04/2024 và chấp thuận cho thuê đất tại Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 24/01/2025, diện tích được thuê đất giai đoạn 1: 299.739,3 m<sup>2</sup> và đang tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo. Hoàn thành tăng vốn điều lệ tại Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.

- Hoàn thành đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật chung của dự án Cụm công nghiệp Nha Bích theo đúng thiết kế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo đúng tiến độ quy định đồng thời được Chi cục giám định xây dựng – Sở Xây dựng nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng. Hoàn thành xây dựng các hạng mục hạ tầng của dự án Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại xã Nha Bích. Tổng Công ty Thanh Lễ đã nộp hồ sơ thực hiện thủ tục chuyển nhượng dự án và điều chỉnh chủ đầu tư cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng.

- Trong năm 2024, Tổng Công ty đã triển khai thực hiện phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp – ERP, xây dựng kho dữ liệu tập trung và báo cáo phân tích thông minh, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng lực quản trị toàn diện.

- Hoàn thiện cải tạo một số hạng mục về đầu nối giao thông, hồ sơ về môi trường tại các dự án: Cao ốc Bình Dương, Trung tâm Dịch vụ Văn hóa Thể thao Thanh Lễ tại Phú Giáo, Khu biệt thự vườn Chánh Mỹ và các cửa hàng xăng dầu. Đồng thời, thường xuyên chỉ đạo giám sát chặt chẽ các công trình đã hoàn thành, duy tu, bảo dưỡng định kỳ nhằm khai thác tối đa công suất và mang lại hiệu quả cho hoạt động kinh doanh.

### **3.2. Các công ty con, công ty liên kết:**

Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP có 06 công ty con, tổng số vốn đầu tư vào các công ty con là 616.229.963.381 đồng; 02 công ty liên kết, tổng số vốn đầu tư vào công ty liên kết là 294.395.744.491 đồng. Các công ty này đang hoạt động bình thường và có hiệu quả.

- ❖ Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ:

- Địa chỉ: Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương.



- Vốn điều lệ: 13.500.000.000 đồng.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700785510
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất nước đóng chai, kinh doanh bao bì, cho thuê nhà xưởng.
- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 8.188.380.782 đồng, chiếm 56,84% vốn điều lệ.
- ❖ Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương:
  - Địa chỉ: Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương.
  - Vốn điều lệ: 66.088.039.787 đồng.
  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700817346
  - Ngành nghề kinh doanh chính: Vận tải xăng dầu, kinh doanh mặt hàng cát xây dựng và san lấp mặt bằng.
- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 45.302.676.635 đồng, chiếm 57,97% vốn điều lệ.
- ❖ Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương:
  - Địa chỉ: Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương.
  - Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng.
  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700828316
  - Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh xăng dầu.
- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 24.000.000.000 đồng, chiếm 80,00% vốn điều lệ.
- ❖ Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương:
  - Địa chỉ: Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương.
  - Vốn điều lệ: 26.000.000.000 đồng.
  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700144108
  - Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ vệ sinh đô thị; Trồng và chăm sóc cây xanh; Duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng và thoát nước đô thị.
- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 43.738.905.964 đồng, chiếm 100% vốn điều lệ.
- ❖ Công ty TNHH Đăng kiểm Xe cơ giới 61-05D:
  - Địa chỉ: Tp. Tân Uyên, Bình Dương.
  - Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng.
  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3702525028
  - Ngành nghề kinh doanh chính: Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn sản phẩm nhiên liệu.
- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 15.000.000.000 đồng, chiếm 100% vốn điều lệ.
- ❖ Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistis:
  - Địa chỉ: Tp. Thuận An, Bình Dương.
  - Vốn điều lệ: 800.000.000.000 đồng
  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3702395178
  - Ngành nghề kinh doanh chính: Kho bãi, lưu giữ và vận chuyển hàng hóa.



- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 480.000.000.000 đồng, chiếm 60,00% vốn điều lệ.

❖ Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương:

- Địa chỉ: huyện. Phú Giáo, Bình Dương.

- Vốn điều lệ: 106.883.630.000 đồng.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3701815415

- Ngành nghề kinh doanh chính: Cung cấp các loại giống cây trồng.

- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 37.937.734.355 đồng, chiếm 35,02% vốn điều lệ.

❖ Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương:

- Địa điểm: Tp. Dĩ An, Bình Dương.

- Vốn điều lệ: 1.000.000.000.000 đồng.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700148529

- Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất vật liệu xây dựng.

- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 256.458.010.136 đồng, chiếm 25% vốn điều lệ.

#### 4. Tình hình tài chính

##### 4.1. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/(giảm)
<b>Kết quả kinh doanh theo BCTC hợp nhất</b>			
Tổng giá trị tài sản	9.171.267.192.266	9.060.833.518.549	(1,20%)
Doanh thu thuần	19.933.917.252.059	20.271.716.329.351	1,69%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	157.470.643.187	86.966.647.634	(44,77%)
Lợi nhuận khác	4.851.915.250	11.449.219.345	135,97%
Lợi nhuận trước thuế	162.322.558.437	98.415.866.979	(39,37%)
Lợi nhuận sau thuế	120.974.167.970	85.910.577.629	(28,98%)
<b>Kết quả kinh doanh theo BCTC công ty mẹ</b>			
Tổng giá trị tài sản	8.573.647.128.394	8.464.298.237.993	(1,28%)
Doanh thu thuần	19.551.652.445.093	19.953.182.244.814	2,05%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	123.440.746.610	44.283.308.341	(64,13%)
Lợi nhuận khác	4.069.624.599	4.851.910.880	19,22%
Lợi nhuận trước thuế	127.510.371.209	49.135.219.221	(61,47%)
Lợi nhuận sau thuế	95.726.145.676	49.135.219.221	(48,67%)

(Nguồn: BCTC công ty mẹ và hợp nhất năm 2023, năm 2024 đã kiểm toán)

##### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:



Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024
<b>I. Dựa trên BCTC hợp nhất:</b>			
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,96	1,02
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,49	0,56
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,70	0,69
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,36	2,19
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,95	6,95
Vòng quay tổng tài sản	Lần	2,31	2,22
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,61%	0,42%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	4,44%	3,02%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,32%	0,95%
Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	0,79%	0,43%
<b>II. Dựa trên BCTC công ty mẹ:</b>			
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,02	1,02
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,52	0,55
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,71	0,71
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,46	2,46
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	8,00	6,90
Vòng quay tổng tài sản	Lần	2,42	2,34
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,49%	0,25%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	3,86%	2,01%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,12%	0,58%
Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	0,63%	0,22%

(Nguồn: Tính toán theo BCTC công ty mẹ và hợp nhất năm 2023, năm 2024 đã kiểm toán)

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

### 5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 236.600.000 cổ phần, tương đương tổng mệnh giá



2.366.000.000.000 đồng.

- Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 236.147.700 cổ phần.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 432.200 cổ phần.
- Cổ phiếu quỹ: 20.100 cổ phần.

## 5.2. Cơ cấu cổ đông:

Tính đến thời điểm 26/03/2025, Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP có 01 cổ đông lớn nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Tổng Công ty trở lên với danh sách cụ thể như sau:

STT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	% vốn điều lệ
1	UBND Tỉnh Bình Dương	Bình Dương	85.176.000	36,00%
Tổng cộng			85.176.000	36,00%

(Nguồn: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam)

Cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty tại thời điểm 26/03/2025:

STT	Cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần	% vốn điều lệ
1	Cổ đông trong nước:	562	236.579.900	99,99%
	- Tổ chức	4	88.695.400	37,49%
	- Cá nhân	558	147.884.500	62,50%
2	Cổ đông nước ngoài:	0	0	0,00%
3	Cổ phiếu quỹ:	-	20.100	0,01%
	Tổng cộng:	562	236.600.000	100%

(Nguồn: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam)

## 5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Không có.

## 5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 20.100 cổ phần.
- Trong năm 2024, không thực hiện các giao dịch cổ phiếu quỹ.

## 5.5. Các chứng khoán khác:

Không có.

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng Công ty:

### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Xăng dầu là hàng hóa đặc biệt, mang tính chiến lược, gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh, đời sống kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng. Tổng Công ty Thanh Lễ luôn đề ra kế hoạch tổ chức tốt công tác dự báo, đảm bảo nguồn cung, duy trì ổn định thị trường, cân đối cung cầu, phân đầu thực hiện tổng nguồn xăng dầu tối thiểu năm 2025 được Bộ Công thương phân giao, hài hoà với năng lực

### 6.2. Tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước:



Các cửa hàng xăng dầu, kho xăng dầu và các cơ sở vật chất khác của Tổng Công ty Thanh Lễ lắp đặt hệ thống chiếu sáng đảm bảo điều kiện an toàn, hiệu quả năng lượng, thẩm mỹ.

Các ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty không sử dụng nước làm nguyên liệu đầu vào. Lượng nước sạch chủ yếu khai thác từ nước máy, nước giếng khoan phục vụ cho nhu cầu làm việc và sinh hoạt của người lao động. Một lượng nhỏ nước được sử dụng để làm nước dự trữ cứu hỏa và nước vệ sinh công nghiệp.

### **6.3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

Đối với kinh doanh xăng dầu, an toàn môi trường, an toàn cháy nổ là một trong các vấn đề được quan tâm hàng đầu. Để tăng cường công tác bảo đảm an toàn, Tổng Công ty đã xây dựng và ban hành đầy đủ các quy trình nghiệp vụ, nội quy lao động quy định cụ thể về quy tắc an toàn cơ bản. Chú trọng đầu tư trang thiết bị, công nghệ hiện đại, tự động hóa thay thế các công đoạn thủ công, góp phần nâng cao hệ số an toàn.

Thực hiện công tác tuyên truyền, đào tạo nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, chủ động phòng ngừa sự cố môi trường, xây dựng kế hoạch, tổ chức diễn tập, huấn luyện nâng cao nghiệp vụ bảo vệ môi trường. Người lao động làm việc trực tiếp tại các cửa hàng xăng dầu, kho cảng đều được đào tạo và cấp giấy chứng nhận về bảo vệ môi trường.

Các nguồn khí thải đều được quan trắc định kỳ và giám sát chặt chẽ, đảm bảo hàm lượng phát thải ra môi trường đáp ứng tiêu chuẩn hiện hành.

Nước thải tại các kho xăng dầu, cửa hàng xăng dầu đều được xử lý để đảm bảo tiêu chuẩn xả thải ra môi trường. Hệ thống xử lý nước thải tại các kho xăng dầu và khu công nghiệp thường xuyên được đầu tư nâng cấp và thực hiện hiện bảo trì, bảo dưỡng.

Chất thải rắn được phân loại, thu gom và chuyển giao xử lý theo quy định.

Hàng năm, Tổng Công ty phối hợp với các đơn vị chức năng tiến hành quan trắc môi trường tại các kho, cảng xăng dầu, tuyến ống xăng dầu, hệ thống xử lý nước thải tại khu công nghiệp. Qua báo cáo kết quả phân tích, chưa ghi nhận trường hợp nào các thông số môi trường nằm ngoài giới hạn cho phép của các quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành.

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

### **6.4. Chính sách liên quan đến người lao động:**

- Số lượng lao động: 475 lao động.

- Thời gian làm việc: 44 giờ/tuần.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi người lao động:

- Đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động toàn công ty. Đảm bảo việc



ký kết hợp đồng lao động theo quy định.

- Tuyển dụng lao động theo quy định về tuyển dụng của Tổng Công ty, bố trí công việc phù hợp với trình độ chuyên môn và năng lực người lao động.

- Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động. Nâng cao tư duy ứng dụng dữ liệu trong chuyển đổi số để khai thác hiệu quả cơ sở vật chất kỹ thuật công nghệ. Duy trì chính sách lương, thưởng hợp lý để tạo động lực thúc đẩy năng suất lao động và đảm bảo đời sống người lao động.

- Thực hiện nhiều biện pháp nhằm bảo hộ lao động, ngăn ngừa tai nạn lao động đối với từng điều kiện làm việc. Cam kết thực hiện đúng tiêu chuẩn an toàn lao động và luôn sẵn sàng ứng phó, giải quyết các tình huống rủi ro có thể xảy ra.

- Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước.

### **6.5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**

Tổng Công ty Thanh Lễ luôn chú trọng đến việc thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng và xã hội. Trong mỗi hoạt động an sinh xã hội, Tổng Công ty luôn phối hợp với các tổ chức đoàn thể, chính quyền địa phương triển khai thực hiện hiệu quả, thiết thực, đúng chế độ quản lý tài chính. Các công tác được Tổng Công ty thực hiện trong năm qua là chăm lo phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng tại địa phương, thực hiện hỗ trợ các gia đình chính sách, ủng hộ Quỹ bảo trợ trẻ em và một số hoạt động xã hội khác.

## **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:**

### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

#### **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:**

*Đơn vị tính: Đồng*

STT	Chỉ tiêu	Kết quả kinh doanh công ty mẹ	Kết quả kinh doanh hợp nhất
1	Doanh thu thuần	19.953.182.244.814	20.271.716.329.351
2	Doanh thu hoạt động tài chính	91.722.293.733	57.787.102.207
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	49.135.219.221	98.415.866.979
4	Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	0	12.505.289.350
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	49.135.219.221	85.910.577.629

*(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán)*

Trước những diễn biến phức tạp của thị trường xăng dầu thế giới và trong nước, Ban Tổng Giám đốc tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, kịp thời triển khai nhiều giải pháp từ khâu tạo nguồn cho đến chính sách bán hàng, tài chính, kế toán mang lại lợi ích tối ưu cho Tổng Công ty.

### **2. Tình hình tài chính:**

#### **2.1. Tình hình tài sản:**



Đơn vị tính: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2023	Tỷ lệ % tăng/(giảm)
<b>I. Theo BCTC hợp nhất:</b>				
1	Tài sản ngắn hạn	6.043.911.827.548	5.887.936.413.397	2,65%
2	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.309.974.148.970	1.446.850.161.071	(9,46%)
3	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	3.298.400.000	70.136.416.400	(95,30%)
4	Các khoản phải thu ngắn hạn	1.916.513.887.891	1.428.862.325.387	34,13%
5	Hàng tồn kho	2.728.881.341.813	2.877.977.117.016	(5,18%)
6	Tài sản ngắn hạn khác	85.244.048.874	64.110.393.523	32,96%
7	Tài sản dài hạn	3.016.921.691.001	3.283.330.778.869	(8,11%)
8	Các khoản phải thu dài hạn	54.229.508.185	39.175.750.420	38,43%
9	Tài sản cố định	1.569.612.230.872	1.524.289.806.199	2,97%
10	Bất động sản đầu tư	175.414.839.740	177.862.315.209	(1,38%)
11	Tài sản dở dang dài hạn	613.897.374.229	867.207.730.638	(29,21%)
12	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	351.642.761.899	343.495.941.446	2,37%
13	Tài sản dài hạn khác	252.124.976.076	331.299.234.957	(23,90%)
	<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>9.060.833.518.549</b>	<b>9.171.267.192.266</b>	<b>(1,20%)</b>
<b>II. Theo BCTC công ty mẹ:</b>				
1	Tài sản ngắn hạn	5.846.231.139.401	5.862.035.028.291	(0,27%)
2	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.263.099.099.951	1.390.996.228.131	(9,19%)
3	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	55.750.000.000	(100,00%)
4	Các khoản phải thu ngắn hạn	1.814.311.421.979	1.516.227.519.282	19,66%
5	Hàng tồn kho	2.716.206.051.080	2.866.087.459.947	(5,23%)
6	Tài sản ngắn hạn khác	52.614.566.391	32.973.820.931	59,56%
7	Tài sản dài hạn	2.618.067.098.592	2.711.612.100.103	(3,45%)
8	Các khoản phải thu dài hạn	38.917.808.185	39.169.050.420	(0,64%)
9	Tài sản cố định	948.265.082.766	949.582.531.339	(0,14%)
10	Bất động sản đầu tư	173.808.029.656	176.087.695.600	(1,29%)
11	Tài sản dở dang dài hạn	312.063.266.177	521.013.762.541	(40,10%)
12	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	910.625.707.872	708.953.400.072	28,45%
13	Tài sản dài hạn khác	234.387.203.936	316.805.660.131	(26,02%)
	<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>8.464.298.237.993</b>	<b>8.573.647.128.394</b>	<b>(1,28%)</b>

(Nguồn: BCTC công ty mẹ và hợp nhất năm 2023, năm 2024 đã kiểm toán)

## 2.2. Tình hình nợ phải trả:



Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2023	Tỷ lệ % tăng/(giảm)
<b>I. Theo BCTC hợp nhất:</b>			
Nợ phải trả	6.216.927.011.090	6.444.760.450.219	(3,54%)
Nợ ngắn hạn	5.900.145.989.189	6.119.407.089.202	(3,58%)
Nợ dài hạn	316.781.021.901	325.353.361.017	(2,63%)
Vốn chủ sở hữu	2.843.906.507.459	2.726.506.742.047	4,31%
Tổng cộng nguồn vốn	9.060.833.518.549	9.171.267.192.266	(1,20%)
<b>II. Theo BCTC công ty mẹ:</b>			
Nợ phải trả	6.019.319.225.809	6.092.452.670.613	(1,20%)
Nợ ngắn hạn	5.705.487.778.908	5.771.394.429.596	(1,14%)
Nợ dài hạn	313.831.446.901	321.058.241.017	(2,25%)
Vốn chủ sở hữu	2.444.979.012.184	2.481.194.457.781	(1,46%)
Tổng cộng nguồn vốn	8.464.298.237.993	8.573.647.128.394	(1,28%)

(Nguồn: BCTC công ty mẹ và hợp nhất năm 2023, năm 2024 đã kiểm toán)

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Về hoạt động kinh doanh xăng dầu: Thực hiện tốt và có hiệu quả chuỗi liên kết nguyên liệu – tồn chứa – vận chuyển và phân phối, đảm bảo đủ nguồn hàng cung ứng cho hệ thống phân phối. Bám sát thị trường và diễn biến giá dầu để duy trì tồn kho hợp lý, hạn chế rủi ro ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh khi giá dầu giảm mạnh..

- Về hoạt động tài chính: Tình hình tài chính an toàn và lành mạnh, huy động và sử dụng vốn đúng mục đích, quản trị dòng tiền hiệu quả, đảm bảo khả năng thanh toán, bảo toàn vốn đầu tư của cổ đông. Không để phát sinh nợ xấu mới. Triển khai các dự án đầu tư theo đúng chỉ đạo của Hội đồng quản trị và có biện pháp phòng ngừa hạn chế rủi ro, giám sát công tác quản lý dòng tiền đảm bảo cho kinh doanh, sử dụng vốn an toàn, hiệu quả.

- Về hoạt động đầu tư: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành và tổng hợp thông tin, phân tích số liệu phục vụ công tác quản trị, số hóa hệ thống quản lý đơn hàng để kiểm soát và theo dõi dữ liệu. Công tác đầu tư phát triển mạng lưới bán lẻ xăng dầu được đẩy mạnh và đạt kết quả tốt. Nâng cao giá trị thương hiệu Thalexim Petro, tạo nền tảng vững chắc cho các mục tiêu phát triển dài hạn.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Tổng Công ty đặt mục tiêu phát triển bền vững, bảo toàn nguồn vốn, hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với ngân sách nhà nước, chăm lo đời sống người lao động và đảm bảo lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Tập trung rà soát đánh giá lại công tác quản lý tài sản, đất đai, môi trường, hoàn thiện hồ sơ pháp lý, cơ sở hạ tầng và đưa vào khai thác các dự án đầu tư trọng điểm phù hợp với chủ trương và phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh.

**5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng Công ty:**



Không có.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY:**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng Công ty:**

Trước những khó khăn chung của nền kinh tế thế giới nói chung, kinh tế Việt Nam nói riêng, cũng như khó khăn, áp lực của thị trường xăng dầu, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng mục tiêu, định hướng của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Tổng Công ty đã chủ động nắm bắt tình hình, bám sát diễn biến thị trường xăng dầu, thực hiện đồng bộ các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế để vượt qua giai đoạn khó khăn chung, tiết giảm chi phí, kiểm soát chất lượng xăng dầu, bảo vệ thương hiệu, duy trì ổn định mạng lưới phân phối, đảm bảo nguồn cung xăng dầu phục vụ kinh tế - xã hội và thực hiện tốt nghĩa vụ thu nộp ngân sách nhà nước.

Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

*Đơn vị tính: Đồng*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Kế hoạch năm 2024</b>	<b>Thực hiện năm 2024</b>	<b>Tỷ lệ đạt được</b>
Tổng doanh thu	23.239.952.000.000	20.401.943.383.768	87,79%
Lợi nhuận trước thuế	175.940.000.000	98.415.866.979	55,94%
Lợi nhuận sau thuế	146.750.000.000	85.910.577.629	58,54%

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024 và BCTC hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán)

##### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:**

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Trong quá trình điều hành, Ban Tổng Giám đốc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế của Tổng Công ty. Tổng Giám đốc phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, chỉ đạo, định hướng các vấn đề quan trọng của Tổng Công ty và điều phối có hiệu quả hoạt động của Ban điều hành. Các Phó Tổng Giám đốc đã hoàn thành các nhiệm vụ theo lĩnh vực được phân công.

Ban Tổng Giám đốc cũng chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực quản trị, quảng bá thương hiệu. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số được chú trọng triển khai, giúp nâng cao vị thế và giá trị thương hiệu, tạo nền tảng vững chắc cho các mục tiêu phát triển dài hạn.

Công tác tổ chức nhân sự, chính sách lao động, tiền lương, đào tạo, thi đua khen thưởng cũng được Ban Tổng Giám đốc quan tâm thực hiện, đảm bảo ổn định thu nhập, tạo động lực cho người lao động phấn đấu.

Nhìn chung năm 2024, Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Có nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời, đạt được nhiều



kết quả đáng khích lệ. Tiếp tục khẳng định thương hiệu trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu thông qua việc đảm bảo nguồn cung, phục vụ nhu cầu của nền kinh tế và người dân, đặc biệt trong những thời điểm khó khăn của thị trường.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

#### **3.1. Các chỉ tiêu hoạt động năm 2024:**

Căn cứ thực tế phát sinh năm 2024 và diễn biến tình hình kinh tế xã hội Quý 01 năm 2025, Tổng Công ty Thanh Lễ đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu năm 2025 : 20.010.845 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 129.582 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 110.699 triệu đồng

#### **3.2. Một số nhiệm vụ trọng điểm của Hội đồng quản trị:**

Kinh tế thế giới được dự báo còn nhiều bất ổn, đối mặt với nhiều yếu tố rủi ro, thách thức, qua đó cũng tác động đến tình hình kinh doanh:

- Năm 2025, biến động giá dầu quốc tế tiềm ẩn rủi ro gây khó khăn cho doanh nghiệp nhập khẩu trong nước. Tình trạng dư cung có thể xảy ra vào nửa đầu năm 2025, ảnh hưởng đến giá dầu toàn cầu.

- Tăng trưởng bền vững, xu hướng chuyển đổi số, chuyển dịch năng lượng xanh, sạch ngày càng rõ nét và không thể đảo ngược. Làn sóng điện hóa, xu hướng xe điện thay thế xe xăng nhanh chóng lan nhanh đến Việt Nam và càng ngày nhận được nhiều sự quan tâm cũng ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ xăng dầu.

Hội đồng quản trị thường xuyên tiến hành rà soát, kịp thời ứng phó và thích nghi với những thay đổi liên tục của thị trường, nghiên cứu các giải pháp tăng cường hiệu quả quản lý và hạn chế tối đa rủi ro, điều hành linh hoạt bám sát tình hình thực tế để đạt mục tiêu năm 2025 có sự tăng trưởng phù hợp, trong đó tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tổ chức tốt công tác dự báo, đảm bảo nguồn cung, duy trì ổn định thị trường, cân đối cung cầu, phân đầu thực hiện tổng nguồn xăng dầu tối thiểu năm 2025 được Bộ Công thương phân giao, hài hoà với năng lực.

- Thúc đẩy chủ trương phát triển thị trường, khách hàng để gia tăng sản lượng và hiệu quả kinh doanh bán buôn; gia tăng sản lượng và phát huy tối đa hiệu quả của hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu hiện hữu. Hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật tại các kho xăng dầu, hệ thống tuyến ống nhập xuất xăng dầu để ổn định sức chứa, đảm bảo công tác tạo nguồn và dự trữ hàng hóa theo quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động, quản lý công nợ, quản lý chi phí để đảm bảo việc quản lý, huy động, sử dụng vốn đúng mục đích, an toàn, hiệu quả.

- Chủ động thực hiện các biện pháp để tiết giảm chi phí trên toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty, nâng cao ý thức và tinh thần tiết kiệm chi phí ở tất cả các khâu, từ việc áp dụng công nghệ để quản lý hao hụt tối ưu, tiết giảm chi tiêu, rà soát đánh giá lại công tác quản lý tài sản, đất đai, tránh gây lãng phí, thất thoát.



- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và công ty con quyết tâm thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh ở mức cao nhất để gia tăng lợi nhuận góp phần hoàn thành mục tiêu chung của Tổng Công ty.

- Tập trung hoàn thiện hồ sơ pháp lý, tháo gỡ, giải quyết các khó khăn khi thực hiện dự án đất đai.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

### 1. Hội đồng quản trị:

#### 1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CCCD/Giấy CNĐKDN	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Đoàn Minh Quang	Chủ tịch HĐQT	074057006158	Bình Dương	2.100	0,0009%	
	Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương		3701815415	Bình Dương	0	0	Ông Đoàn Minh Quang là Chủ tịch HĐQT
	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương		3700148529	Bình Dương	0	0	Ông Đoàn Minh Quang là Chủ tịch HĐQT
	Công ty CP Đá Núi Nhỏ		3700762471	Bình Dương	0	0	Ông Đoàn Minh Quang là Chủ tịch HĐQT
2	Phạm Thị Băng Trang	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc	070165006381	Bình Dương	3.200	0,0014%	
	Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình		3701815415	Bình Dương	0	0	Bà Phạm Thị



Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CCCD/Giấy CNĐKDN	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
	Dương						Băng Trang là Trưởng ban kiểm soát
	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương		3700148529	Bình Dương	0	0	Bà Phạm Thị Băng Trang là Trưởng ban kiểm soát
	Công ty CP Gạch ngói cao cấp			Bình Dương	0	0	Bà Phạm Thị Băng Trang là Thành viên HĐQT
3	Phạm Thị Kim Thành	Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc	074174000492	Bình Dương	7.100	0,0030%	
	Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương				85.176.000	36,00%	Bà Phạm Thị Kim Thành là người đại diện vốn
4	Lê Trọng Hiếu	Thành viên	001068000291	Hà Nội	11.724.000	4,96%	

370  
ÔNG  
THƯ  
VẬT N  
THA  
C  
40 M



Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CCCD/Giấy CNĐKDN	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
		HĐQT không điều hành					
	Cty CP XD và DV Hàng hải S.T.S		0303235586	TP. Hồ Chí Minh	0	0	Ông Lê Trọng Hiếu là Tổng Giám đốc
5	Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT không điều hành	024150427	TP. Hồ Chí Minh	0	0	

**1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

### 1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Công tác tổ chức: Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Tổng Công ty, Luật Doanh nghiệp, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được duy trì đều đặn, đúng quy định. Căn cứ vào tình hình thực tế, Hội đồng quản trị sẽ ban hành Nghị quyết theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, quyết định theo đa số, vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty với mục tiêu duy trì sự ổn định và phát triển bền vững, đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông.

Các thành viên Hội đồng quản trị được phân công nhiệm vụ trên nguyên tắc phát huy thế mạnh, năng lực chuyên môn và kinh nghiệm công tác của từng thành viên. Luôn định kỳ tổ chức đánh giá chương trình công tác và rà soát việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của từng thành viên để tạo nên sức mạnh tập thể hoàn thành trách nhiệm một cách hiệu quả nhất.

- Công tác điều hành: Trong năm 2024, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã tổ chức 16 cuộc họp và ban hành 18 Nghị quyết về các vấn đề:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT	09/01/2024	Nghị quyết về việc hủy bỏ hợp đồng mua bán căn hộ tại dự án Cao ốc Bình Dương.	100%
2	03/NQ-HĐQT	24/01/2024	Nghị quyết về việc nhận chuyển nhượng xe ô tô con phục vụ hoạt động kinh doanh.	100%
3	04/NQ-HĐQT	04/03/2024	Nghị quyết về việc thành lập Chi	100%



			nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Thành phố Hải Phòng.	
4	05/NQ-HĐQT	04/03/2024	Nghị quyết về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.	100%
5	06/NQ-HĐQT	12/03/2024	Nghị quyết về việc thông qua các hợp đồng và giao dịch giữa Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP và người có liên quan.	100%
6	07/NQ-HĐQT	14/03/2024	Nghị quyết về việc thành lập địa điểm kinh doanh: Trung tâm Dịch vụ Văn hóa Thể thao Thanh Lễ.	100%
7	08/QĐ-TL	22/03/2024	Quyết định về việc điều chỉnh dự án Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Nha Bích.	100%
8	09/NQ-HĐQT	06/05/2024	Nghị quyết về việc thực hiện quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB).	100%
9	10/NQ-HĐQT	10/05/2024	Nghị quyết về việc thực hiện quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).	100%
10	11/NQ-HĐQT	25/06/2024	Nghị quyết về việc hủy bỏ hợp đồng mua bán căn hộ tại dự án Cao ốc Bình Dương.	100%
11	12/NQ-HĐQT	26/06/2024	Nghị quyết về việc giải tỏa cổ phiếu hết thời gian hạn chế chuyển nhượng trong đợt bán cổ phiếu ưu đãi theo thời gian cam kết làm việc của người lao động khi cổ phần hóa doanh nghiệp.	100%
12	13/NQ-HĐQT	05/07/2024	Nghị quyết về việc lựa chọn công ty kiểm toán ký hợp đồng soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ và kiểm toán Báo cáo tài chính kết thúc niên độ 2024.	100%
13	14/NQ-HĐQT	01/08/2024	Nghị quyết về việc thực hiện quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank).	100%
14	15/NQ-HĐQT	25/09/2024	Nghị quyết về ngày đăng ký cuối cùng để xác định danh sách người sở hữu chứng khoán được hưởng quyền nhận cổ tức năm 2023 bằng tiền.	100%
15	17/NQ-HĐQT	18/10/2024	Nghị quyết về việc thực hiện quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (TCB).	100%
16	18/NQ-HĐQT	18/10/2024	Nghị quyết về ngày đăng ký cuối	100%



			cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	
17	19/NQ-HĐQT	25/11/2024	Nghị quyết về ngày đăng ký cuối cùng để xác định danh sách người sở hữu chứng khoán được hưởng quyền nhận cổ tức bổ sung năm 2023 bằng tiền.	100%
18	20/NQ-HĐQT	06/12/2024	Nghị quyết về việc mở bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam của Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương.	100%

## 2. Ban Kiểm Soát:

### 2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CCCD	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Khánh Hà	Trưởng Ban Kiểm soát	074164001086	Bình Dương	2.000	0,0008%	
2	Bà Bùi Thị Kim Khoa	Thành viên Ban Kiểm soát	074185009166	Bình Dương	0	0	
3	Ông Lê Tuấn Vũ	Thành viên Ban Kiểm soát	036080000654	Hà Nội	0	0	

### 2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Ban kiểm soát Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP nhiệm kỳ 2022 – 2027 gồm: 01 Trưởng ban và 02 thành viên. Trong năm 2024, căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty, Ban kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên và phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ thay mặt cổ đông giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Tổng Công ty, tập trung vào những nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán, kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, trung thực trong việc lập báo cáo tài chính và thẩm định tính hệ thống, nhất quán, phù hợp của công tác kế toán, thống kê, tài chính. Xem xét các báo cáo của đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ và kiểm toán báo cáo tài chính năm.

- Giám sát việc chấp hành pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, tổ chức giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc để nắm bắt chủ trương, định hướng phát triển và các quyết định liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty, làm cơ sở cho công tác giám sát.

- Xem xét tính pháp lý, tính phù hợp của trình tự, thủ tục ban hành và việc



triển khai thực hiện các văn bản nội bộ, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty.

- Tổ chức các cuộc họp Ban kiểm soát, xây dựng hoàn thiện các báo cáo thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát đồng thời thường xuyên trao đổi nội bộ về nội dung liên quan đến kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát. Phân công nhiệm vụ cho mỗi thành viên theo nguyên tắc đảm bảo công tác giám sát.

- Giám sát hoạt động quản trị của Ban Tổng Giám đốc trong công tác sản xuất kinh doanh, quản lý tài chính, tình hình sử dụng vốn và khả năng thanh toán nợ của Tổng Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và định hướng của Đại hội đồng cổ đông.

- Giám sát việc công bố thông tin của công ty đại chúng tuân thủ các quy định của pháp luật chứng khoán để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

- Giám sát việc thực hiện các quy định của Bộ luật Lao động và chế độ chính sách đối với người lao động.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm 2024:**

#### **3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

- Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã quyết định thông qua mức trích lập Quỹ thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là 1.435.892.185 đồng khi phân phối lợi nhuận năm 2023.

#### **3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:**

Không có.

#### **3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:**

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Giấy ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	Người có liên quan	3700817346	Bình Dương	Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 12/03/2024 về việc thông qua các hợp đồng và giao dịch giữa Tổng	- Bán xăng dầu và cung cấp các dịch vụ khác: 33.325 triệu đồng. - Vận chuyển xăng dầu cho Tổng Công ty: 106.745 triệu đồng.



					Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP và người có liên quan.	
2	Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Người có liên quan	3700828316	Bình Dương	Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 12/03/2024	- Bán xăng dầu và cung cấp các dịch vụ khác: 1.928.111 triệu đồng.
3	Công ty CP SXKD Thanh Lễ	Người có liên quan	3700785510	Bình Dương	Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 12/03/2024	- Bán xăng dầu: 108 triệu đồng. - Cung cấp nước đóng chai cho Tổng Công ty: 406 triệu đồng.
4	Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	Người có liên quan	3702525028	Bình Dương	Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 12/03/2024	- Cho thuê mặt bằng: 1.320 triệu đồng. - Cung cấp dịch vụ đăng kiểm xe cho Tổng Công ty: 19 triệu đồng.
5	Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	Người có liên quan	3702395178	Bình Dương	Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 12/03/2024	- Bán xăng dầu: 1.290 triệu đồng.
6	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Người có liên quan	3700148529	Bình Dương	Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 12/03/2024	- Tổng công ty bán xăng dầu và các dịch vụ: 215.001 triệu đồng. - Cung cấp dịch vụ điện cho Tổng Công ty: 1.356 triệu đồng.
7	Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	Người có liên quan	0303235586	TP. Hồ Chí Minh	Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 12/03/2024	- Cho thuê kho xăng dầu, cho thuê văn phòng: 19.386 triệu đồng. - Bán xăng dầu cho Tổng Công ty: 9.966 triệu đồng.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

### 1. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kết toán kết thúc cùng ngày, phù hợp



với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:** Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán đính kèm theo báo cáo này. Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2024 đã được công bố trên trang thông tin điện tử thalexim.vn của Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP.

*Nơi nhận:*

- Như Kính gửi;
- Lưu: VT, KT.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA CÔNG TY**



**Đoàn Minh Quang**





# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán 2024

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XNK THANH LỄ - CTCP

*Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt*

*Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh*



## MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 – 7
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	
3. Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	8 – 10
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho niên độ kế toán 2024	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kế toán 2024	12 – 13
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2024	14 – 72

\*\*\*\*\*



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP (sau đây viết tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2024 của Tổng Công ty.

### **KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP nguyên là Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên được cổ phần hóa theo Quyết định số 1165/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2017 về việc phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty Mẹ - Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên.

Tổng Công ty đã được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số 3700146458, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 01 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 22 tháng 12 năm 2023.

Vốn điều lệ : 2.366.000.000.000 Đồng

Vốn pháp định : 6.000.000.000 Đồng

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

**Tổ chức hoạt động kinh doanh**

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm có:

**\* Trụ sở chính**

- Địa chỉ : 63 Yersin, Phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : (84-274) 382 9535 – 382 9608
- Fax : (84-274) 382 4112 – 382 9533
- Website : [www.thalexim.vn](http://www.thalexim.vn)
- E-mail : [contact@thalexim.vn](mailto:contact@thalexim.vn)
- Mã số DN : 3 7 0 0 1 4 6 4 5 8

**\* Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc; các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết với Tổng Công ty được trình bày tại Mục I của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.**

# **TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

---

## **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

### ***Hội đồng Quản trị (Nhiệm kỳ 2022 - 2027)***

- |    |     |                     |                                 |
|----|-----|---------------------|---------------------------------|
| 1. | Ông | Đoàn Minh Quang     | Chủ tịch HĐQT                   |
| 2. | Bà  | Phạm Thị Băng Trang | Thành viên HĐQT                 |
| 3. | Bà  | Phạm Thị Kim Thành  | Thành viên HĐQT                 |
| 4. | Ông | Lê Trọng Hiếu       | Thành viên HĐQT không điều hành |
| 5. | Ông | Nguyễn Tiến Dũng    | Thành viên HĐQT không điều hành |

### ***Ban Kiểm soát (Nhiệm kỳ 2022 - 2027)***

- |    |     |                     |            |
|----|-----|---------------------|------------|
| 1. | Bà  | Nguyễn Thị Khánh Hà | Trưởng ban |
| 2. | Bà  | Bùi Thị Kim Khoa    | Thành viên |
| 3. | Ông | Lê Tuấn Vũ          | Thành viên |

### ***Ban Tổng Giám đốc (Nhiệm kỳ 2023 - 2028)***

- |    |     |                     |                   |
|----|-----|---------------------|-------------------|
| 1. | Bà  | Phạm Thị Băng Trang | Tổng Giám đốc     |
| 2. | Bà  | Phạm Thị Kim Thành  | Phó Tổng Giám đốc |
| 3. | Ông | Đặng Văn Đoàn       | Phó Tổng Giám đốc |

### ***Kế toán trưởng***

Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

### ***Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty***

- |    |     |                     |               |
|----|-----|---------------------|---------------|
| 1. | Ông | Đoàn Minh Quang     | Chủ tịch HĐQT |
| 2. | Bà  | Phạm Thị Băng Trang | Tổng Giám đốc |



**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2024 của Tổng Công ty.

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kế toán 2024 của Tổng Công ty và các Công ty con được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 08 đến trang 72.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- \* Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu;
- \* Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- \* Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- \* Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- \* Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ và Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2024 kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kế toán 2024 của Tổng Công ty và các Công ty con, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

---

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 sửa đổi các Thông tư giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán của Bộ Tài chính; đồng thời cam kết thực hiện đúng các quy định công bố Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



---

Tổng Giám đốc – Phạm Thị Băng Trang

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 28 tháng 3 năm 2025



Số: 0807.01.04/2025/BCTC-NTV.HCM

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2024 kèm theo của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2025, từ trang 08 đến trang 72, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2024 kết thúc cùng ngày.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến

về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kế toán 2024 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh



Giám đốc – Võ Công Tuấn

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0486-2023-124-1

Kiểm toán viên – Nguyễn Thị Huyền Trang

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4287-2023-124-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: Đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>6.043.911.827.548</b>	<b>5.887.936.413.397</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>1.309.974.148.970</b>	<b>1.446.850.161.071</b>
111	1. Tiền		646.915.148.970	1.143.436.661.071
112	2. Các khoản tương đương tiền		663.059.000.000	303.413.500.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>3.298.400.000</b>	<b>70.136.416.400</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	3.298.400.000	70.136.416.400
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.916.513.887.891</b>	<b>1.428.862.325.387</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	1.723.383.649.096	1.258.027.520.455
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	16.693.258.448	20.937.660.312
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	-	8.000.000.000
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	182.285.680.725	149.046.559.087
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(5.848.700.378)	(7.149.414.467)
139	7. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>2.728.881.341.813</b>	<b>2.877.977.117.016</b>
141	1. Hàng tồn kho	V.8	2.728.881.341.813	2.877.977.117.016
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>85.244.048.874</b>	<b>64.110.393.523</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9	12.028.981.475	10.580.391.606
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	V.10	72.323.879.941	53.298.054.966
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.11	891.187.458	231.946.951
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.016.921.691.001</b>	<b>3.283.330.778.869</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>54.229.508.185</b>	<b>39.175.750.420</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	V.12	-	3.789.171.680
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	V.13	13.184.628.740	13.184.628.740
215	3. Phải thu về cho vay dài hạn		-	-
216	4. Phải thu dài hạn khác	V.14	41.044.879.445	22.201.950.000
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.569.612.230.872</b>	<b>1.524.289.806.199</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.15	1.241.177.212.878	1.194.458.300.347
222	- Nguyên giá		2.407.539.659.173	2.289.987.970.680
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.166.362.446.295)	(1.095.529.670.333)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.16	328.435.017.994	329.831.505.852
228	- Nguyên giá		435.729.203.153	429.936.846.604
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(107.294.185.159)	(100.105.340.752)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	V.17	<b>175.414.839.740</b>	<b>177.862.315.209</b>
231	- Nguyên giá		226.352.419.154	226.024.154.235
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(50.937.579.414)	(48.161.839.026)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>613.897.374.229</b>	<b>867.207.730.638</b>
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	V.18	37.973.870.280	31.074.295.370
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.19	575.923.503.949	836.133.435.268
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>351.642.761.899</b>	<b>343.495.941.446</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	V.19	-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.20	351.642.761.899	343.495.941.446
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>252.124.976.076</b>	<b>331.299.234.957</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.21	252.124.976.076	331.299.234.957
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
268	4. Tài sản dài hạn khác		-	-
269	5. Lợi thế thương mại		-	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>9.060.833.518.549</b>	<b>9.171.267.192.266</b>



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Bảng Cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>6.216.927.011.090</b>	<b>6.444.760.450.219</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>5.900.145.989.189</b>	<b>6.119.407.089.202</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.22	1.013.548.099.677	537.339.292.146
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.23	1.171.488.759	8.468.395.655
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.24	225.784.059.748	161.248.581.413
314	4. Phải trả người lao động		19.446.367.199	16.858.884.827
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.25	7.290.328.193	23.673.696.825
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.26	315.997.277.110	143.205.322.258
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.27	3.878.595.438.512	4.791.007.919.678
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.28	47.454.734.683	47.529.808.300
323	9. Quỹ bình ổn giá	V.29	390.858.195.308	390.075.188.100
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>316.781.021.901</b>	<b>325.353.361.017</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn	V.30	22.024.200.000	22.024.200.000
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn	V.31	-	4.500.000.000
336	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.32	231.504.745.859	243.656.990.867
337	4. Phải trả dài hạn khác	V.33	23.012.613.042	24.547.370.150
338	5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.34	40.239.463.000	30.624.800.000
400	<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.843.906.507.459</b>	<b>2.726.506.742.047</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.35	<b>2.843.906.507.459</b>	<b>2.726.506.742.047</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.35.1	2.366.000.000.000	2.366.000.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ	V.35.2	(243.800.000)	(243.800.000)
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	V.35.3	(25.242.423.594)	(25.242.423.594)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	V.35.4	32.530.533.229	15.757.298.185
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (LNST CPP)	V.35.5	107.572.856.881	146.242.168.212
421a	- LNST CPP lũy kế đến cuối kỳ trước		44.562.905.774	40.325.377.478
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		63.009.951.107	105.916.790.734
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	V.35.6	363.289.340.943	223.993.499.244
430	<b>II. Nguồn kinh phí</b>		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>9.060.833.518.549</b>	<b>9.171.267.192.266</b>

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Ngọc Ngân

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang

Báo cáo tài chính này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính.



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2024

ĐVT: Đồng

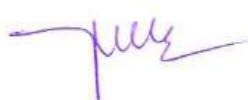
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		20.271.716.329.351	19.933.917.252.059
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.36	20.271.716.329.351	19.933.917.252.059
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.37	19.478.518.767.324	19.172.185.959.232
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		793.197.562.027	761.731.292.827
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.38	57.787.102.207	82.623.584.900
22	7. Chi phí tài chính	VI.39	270.462.772.431	285.884.535.637
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		207.336.698.518	212.694.756.581
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết	VI.40	23.487.683.935	20.713.710.109
25	9. Chi phí bán hàng	VI.41	409.617.824.936	322.274.923.551
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.42	107.425.103.168	99.438.485.461
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		86.966.647.634	157.470.643.187
31	12. Thu nhập khác	VI.43	72.439.952.210	13.692.373.530
32	13. Chi phí khác	VI.44	60.990.732.865	8.840.458.280
40	14. Lợi nhuận khác		11.449.219.345	4.851.915.250
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		98.415.866.979	162.322.558.437
51	16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.45	12.505.289.350	41.348.390.467
60	17. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		85.910.577.629	120.974.167.970
61	18. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ		72.604.364.722	112.824.696.181
62	19. LNST của cổ đông không kiểm soát	VI.46	13.306.212.907	8.149.471.789
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.47	251	398
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.47	251	398

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Ngọc Ngân

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		98.415.866.979	162.322.558.437
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	V.15;16;17	98.984.224.478	90.953.193.157
03	- Các khoản dự phòng		(1.300.714.089)	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.521.807.149	8.151.172
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(49.346.281.417)	(38.498.171.457)
06	- Chi phí lãi vay	VI.39	207.336.698.518	212.694.756.581
07	- Các khoản điều chỉnh khác		5.818.267.327	104.537.375.458
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		363.429.868.945	532.017.863.348
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(553.343.722.026)	297.546.133.693
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		142.196.200.293	(913.427.419.184)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		875.153.443.398	(2.549.144.555.736)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		77.725.669.012	(308.305.921.596)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(211.324.355.303)	(208.642.673.321)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.24	(38.680.680.255)	(39.651.121.164)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		107.824.110.308	8.634.588.388
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(19.029.489.957)	(17.130.329.427)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		743.951.044.415	(3.198.103.434.999)
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(97.178.691.789)	(304.376.270.098)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		85.681.610.594	367.303.125.165
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(798.400.000)	(76.937.616.400)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		75.636.416.400	29.599.200.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		25.009.206.434	31.837.473.886
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		88.350.141.639	47.425.912.553

ĐVT: Đồng

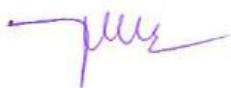
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		20.844.466.371.332	18.046.878.367.368
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(21.731.983.361.871)	(14.600.324.558.554)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(81.670.664.665)	(8.147.897.380)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(969.187.655.204)	3.438.405.911.434
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(136.886.469.150)	287.728.388.988
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	1.446.850.161.071	1.159.129.923.255
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		10.457.049	(8.151.172)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	1.309.974.148.970	1.446.850.161.071

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Ngọc Ngân

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho niên độ kế toán 2024**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2024 của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, sau đây viết tắt là “Tổng Công ty”.

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần

**Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

**Ngành nghề kinh doanh** :

Tổng Công ty đang thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh Xăng dầu; Vận tải xăng dầu đường thủy nội địa; Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc, hội trường, kho bãi, nhà xưởng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất nước sạch đóng chai; Sản xuất bao bì;
- Kinh doanh tổ chức các loại hình vui chơi giải trí; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ vệ sinh đô thị; Trồng và chăm sóc cây xanh đô thị, quản lý nghĩa trang; Quản lý vận hành, duy tu hệ thống chiếu sáng công cộng; Duy trì hệ thống thoát nước đô thị;
- Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; Kinh doanh kho bãi, vận chuyển hàng hóa và một số hoạt động kinh doanh khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường** được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc chung của Tổng Công ty**

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cấu trúc của Tổng Công ty như sau:

- + Trụ sở chính;
- + Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc;
- + Các Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

❖ **Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc bao gồm:**

	<b>Tên đơn vị kinh doanh</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Lĩnh vực kinh doanh</b>
1.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ tại TP. HCM	Số 102, Nguyễn Du, Quận 1, TP.HCM	Văn phòng giao dịch và cho thuê văn phòng
2.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại TP Long Xuyên – An Giang	Số 493/43, Trần Hưng Đạo, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Kinh doanh xăng dầu
3.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Thừa Thiên Huế	Thôn 1B, Xã Thủy Phù, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Kinh doanh xăng dầu
4.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Bình Phước	Số 626, Quốc lộ 14, Phường Tân Phú, TP Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	Kinh doanh xăng dầu
5.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Đắk Lắk	Số 463 Nguyễn Văn Cừ, Phường Tân Lập, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	Kinh doanh xăng dầu
6.	Công viên Nước Thanh Lễ	563 Đại lộ Bình Dương, Phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Công viên vui chơi, dịch vụ ăn uống, cho thuê hội trường
7.	Trung tâm Hội nghị Nhà hàng Khách sạn Gold Star	Số 37 Hùng Vương, Phường Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn, cho thuê hội trường
8.	Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ	Số 63/18 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chánh Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kho chứa xăng dầu
9.	Tổng kho Xăng dầu VK 102 – Thanh Lễ	Áp 6, Xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, TP.HCM	Kho chứa xăng dầu
10.	Kho cảng Xăng dầu Bình Thắng	Đường ĐT 743A, Khu phố Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Kho chứa xăng dầu
11.	Ban Quản lý KCN Sóng Thần I - Bình Đường	Số 09, Đường số 01, KCN Sóng Thần 1, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp
12.	Hệ thống 22 cửa hàng bán lẻ xăng dầu	Tỉnh Bình Dương và Bình Phước	Kinh doanh xăng dầu
13.	Nhà máy sản xuất Bê tông An Sơn	Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh vật liệu xây dựng



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

❖ **Công ty con và Công ty liên doanh liên kết**

Tên Công ty	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận đăng ký DN	Vốn đầu tư của TCT vào Công ty con và Công ty liên kết	Tỷ lệ quyền kiểm soát của TCT
<b>Công ty con</b>				
1. Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Bình Dương	Dịch vụ vệ sinh đô thị; Trồng và chăm sóc cây xanh; Duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng và thoát nước đô thị	GCNĐKDN Công ty TNHH Một thành viên Mã số doanh nghiệp: 3700144108	43.738.905.964	100%
2. Công ty TNHH Đăng kiểm Xe cơ giới 61-05D	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn nhiên liệu	GCNĐKDN Công ty TNHH Một thành viên Mã số doanh nghiệp: 3702525028	15.000.000.000	100%
3. Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Kinh doanh xăng dầu	GCNĐKDN Công ty TNHH Mã số doanh nghiệp: 3700828316	24.000.000.000	80,00%
4. Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	Kho bãi, lưu giữ và vận chuyển hàng hóa	GCNĐKDN Công ty TNHH Mã số doanh nghiệp: 3702395178	480.000.000.000	60%
5. Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Vận tải xăng dầu; Kinh doanh mặt hàng cát xây dựng và san lấp mặt bằng	GCNĐKDN Công ty TNHH Mã số doanh nghiệp: 3700817346	45.302.676.635	57,97%
6. Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Sản xuất nước đóng chai, kinh doanh bao bì, cho thuê nhà xưởng	GCNĐKDN Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp: 3700785510	8.188.380.782	56,84%
<b>Công ty liên kết</b>				
7. Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Cung cấp các loại giống cây trồng	GCNĐKDN Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp: 3701815415	37.937.734.355	35,02%
8. Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất vật liệu xây dựng	GCNĐKDN Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp: 3700148529	256.458.010.136	25,00%

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

Khoản đầu tư và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại các Công ty con tại ngày 31/12/2024 như sau:

Công ty	Giá trị khoản đầu tư	Lợi thế thương mại	Giá trị phần vốn góp thực tế	Vốn điều lệ của Công ty con	Tỷ lệ lợi ích
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	43.738.905.964	17.738.905.964	26.000.000.000	26.000.000.000	100,00%
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000	100,00%
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	24.000.000.000	-	24.000.000.000	30.000.000.000	80,00%
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	480.000.000.000	-	480.000.000.000	800.000.000.000	60,00%
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	45.302.676.635	6.988.136.848	38.314.539.787	66.088.039.787	57,97%
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	8.188.380.782	515.380.782	7.673.000.000	13.500.000.000	56,84%
Cộng	616.229.963.381	25.242.423.594	590.987.539.787		

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****Kỳ kế toán năm**

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).



### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Cụ thể:

- + Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là “Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
- + Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là “Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

#### **Hình thức sổ kế toán**

Tổng Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Báo cáo tài chính của các Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty con đó.
- Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày đầu tư, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với Công ty con.
- Các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng đề hợp nhất được lập cho cùng một niên độ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty mẹ và Công ty con.

## **TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

- Số dư các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và các giao dịch nội bộ, các khoản lãi, lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng tập đoàn sẽ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất Báo cáo tài chính.
- Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý, là ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với Công ty con.
- Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ; được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### **2. Các tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tổng Công ty ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có gốc ngoại tệ vào Báo cáo tài chính theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của Bảng Cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày Bảng Cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

- Tiền bao gồm tiền mặt tại Quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### **4. Các khoản phải thu**

- Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.



## **TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

- Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ kế toán.
- Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

### **5. Hàng tồn kho**

- Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Đối với thành phẩm giá gốc bao gồm trị giá nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ.
- Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp Bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

### **6. Tài sản cố định**

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- a. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- b. Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- c. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

#### **6.1 Tài sản cố định hữu hình**

- Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ kế toán.
- Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ kế toán.
- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính.

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

- Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

Nhóm Tài sản cố định hữu hình	Số năm
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
+ Máy móc và thiết bị	03 – 15
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 20
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 15
+ Tài sản cố định khác	05 – 10

### 6.2 Tài sản cố định vô hình

- Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Tổng Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.
- TSCĐ vô hình của Tổng Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất (QSDĐ) có thời hạn, QSDĐ lâu dài và Giấy phép xả nước thải, được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế. QSDĐ là tiền thuê đất Tổng Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ.
- Tổng Công ty chỉ trích khấu hao đối với QSDĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSDĐ lâu dài thì không trích khấu hao.

Nhóm Tài sản cố định vô hình	Số năm
+ Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 – 50
+ Giấy phép xả nước thải	10

### 7. Bất động sản đầu tư

- Bất động sản đầu tư (BĐSDT) là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá để bán. BĐSĐT được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.
- Các chi phí liên quan đến BĐSĐT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSĐT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.
- Khi BĐSĐT được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.



## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

- Tổng Công ty không trích khấu hao đối với BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Tổng Công ty được đánh giá giảm nguyên giá BĐSĐT và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán (tương tự như việc lập dự phòng đối với hàng hóa bất động sản).
- BĐSĐT cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các nhóm BĐSĐT như sau:

Nhóm Bất động sản đầu tư	Số năm
+ Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
+ Quyền sử dụng đất có thời hạn, Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 50

### 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### 9. Các khoản đầu tư tài chính

#### ❖ *Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn (các khoản tiền gửi có kỳ hạn). Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### ❖ *Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

- Công ty liên doanh, liên kết là các bên nhận vốn đầu tư mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đến các chính sách tài chính và hoạt động của công ty liên doanh, liên kết.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này được trình bày phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất, bao gồm các điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tổng Công ty trong lãi hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết. Phần sở hữu của Tổng Công ty trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty. Các khoản được chia từ công ty liên doanh, liên kết phải hạch toán



## **TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải thực hiện khi lợi ích của Tổng Công ty thay đổi phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên doanh, liên kết mà không phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại TSCĐ, chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính ...).

- Trường hợp khoản lỗ trong công ty liên doanh, liên kết mà Tổng Công ty phải gánh chịu lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư trên Báo cáo tài chính hợp nhất thì Tổng Công ty chỉ ghi giảm giá trị khoản đầu tư trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho đến khi nó bằng không.

### **10. Các khoản trả trước**

- Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh và có liên quan đến hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trên Bảng Cân đối kế toán, chi phí trả trước được trình bày theo tiêu chí trả trước ngắn hạn và dài hạn.
- Chi phí trả trước ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý.

### **11. Lợi thế thương mại**

- Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất kinh doanh thể hiện khoản thanh toán của bên mua cho những lợi ích kinh tế ước tính thu được trong tương lai từ những tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận và không xác định được một cách riêng biệt.
- Xác định giá trị ban đầu của Lợi thế thương mại theo giá gốc: là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận.
- Theo hướng dẫn tại khoản 5, Điều 14, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất quy định: “Đối với các công ty mẹ được cổ phần hoá từ công ty Nhà nước, khi xác định giá trị doanh nghiệp, công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư vào công ty con. Khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ và phần sở hữu của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được trình bày vào chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” của Bảng cân đối kế toán hợp nhất”.

### **12. Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.



Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý. Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

**13. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

**14. Chi phí phải trả**

- Là các khoản phải trả đã được dự tính và trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa trả (bao gồm hàng hoá dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng chưa đủ hồ sơ tài liệu để chi trả; chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ; tiền lương nghỉ phép của người lao động; chi phí lãi tiền vay trả sau ...).
- Chi phí phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại, xác định được chắc chắn thời gian phải thanh toán, số sẽ phải trả và là một phần của các khoản phải trả thương mại hoặc phải trả khác. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ và phải được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế phải được hoàn nhập. Những khoản chi phí trích trước chưa sử dụng cuối năm phải được giải trình trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**15. Doanh thu chưa thực hiện**

- Doanh thu chưa thực hiện là khoản tiền nhận trước của người mua nhưng liên quan đến nhiều kỳ kế toán và người bán đã giao hàng hoá, dịch vụ, tài sản cho người mua sử dụng.
- Doanh thu chưa thực hiện của Tổng Công ty được ghi nhận trong trường hợp Khách hàng trả trước tiền thuê tài sản hoạt động trong nhiều năm. Doanh thu chưa thực hiện được tính và kết chuyển dần vào doanh thu của các kỳ kế toán sau.

**16. Vốn chủ sở hữu**

❖ *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu, đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi.

❖ **Cổ phiếu quỹ**

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

❖ **Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của Tổng Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

❖ **Trích lập các quỹ**

Các quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi,...) được trích lập và sử dụng theo Điều lệ công ty, mức trích lập được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

❖ **Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là một phần của kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của một Công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các Công ty con.
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần bao gồm: Giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định phù hợp với chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và Phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

**17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

❖ **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- a. Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- b. Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- d. Tổng Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;



- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**18. Các khoản chi phí**

- Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.
- Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

**19. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

- Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.
- Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

**20. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

- Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên Thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.
- Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**21. Lãi trên cổ phiếu**

- *Lãi cơ bản trên cổ phiếu* được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (từ số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong niên độ kế toán (mẫu số).
- *Lãi suy giảm trên cổ phiếu* được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (từ số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong niên độ kế toán và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông (mẫu số).

**22. Báo cáo theo bộ phận**

- Bộ phận báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Tổng Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do toàn bộ hoạt động kinh doanh được thực hiện tại Việt Nam nên không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý.

**23. Bên liên quan**

- Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.
- Giao dịch với các bên có liên quan trong niên độ kế toán được trình bày tại Khoản 1, Mục VII – Thông tin khác của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

		DVT: Đồng
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	75.184.860.614	19.402.047.866
- Tiền gửi ngân hàng (*)	571.730.288.356	1.124.034.613.205
- Các khoản tương đương tiền (**)	663.059.000.000	303.413.500.000
Cộng	1.309.974.148.970	1.446.850.161.071
(*) Trong đó Tiền gửi	USD 39,105.86	USD 22,061.00
(**) Các khoản Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại đang được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng và bảo lãnh dự thầu các hợp đồng dịch vụ công ích năm 2025.		
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.298.400.000	70.136.416.400
Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại ngày cuối năm đang được thế chấp để đảm bảo nợ vay cho Quỹ Bảo vệ Môi trường Tỉnh Bình Dương theo các Hợp đồng tín dụng số 11/2019/HĐTD và 01/2023/HĐTD (tham chiếu Thuyết minh số V.27 và V.34).		
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Phải thu hoạt động kinh doanh xăng dầu	1.162.006.924.062	808.715.527.356
- Phải thu hoạt động kinh doanh Bất động sản	335.484.701.646	269.785.388.474
- Phải thu hoạt động dịch vụ và các hoạt động khác	225.892.023.388	179.526.604.625
Cộng	1.723.383.649.096	1.258.027.520.455
Trong đó số dư với Bên liên quan:		
+ Công ty CP Xăng Dầu và DV Hàng Hải S.T.S	1.482.546.466	491.151.977
+ Công ty CP Vật liệu và Xây dựng BD	5.971.821.000	6.293.000

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trả trước hoạt động kinh doanh xăng dầu	3.212.082.539	2.976.322.449
- Trả trước hoạt động kinh doanh Bất động sản	8.529.647.029	10.409.271.605
- Trả trước hoạt động dịch vụ và các hoạt động khác	4.951.528.880	7.552.066.258
<b>Cộng</b>	<b>16.693.258.448</b>	<b>20.937.660.312</b>

**5. Phải thu cho vay ngắn hạn**

- 8.000.000.000

Khoản tiền cho Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương (là Bên liên quan) vay ngắn hạn, lãi suất 9%/năm, đã thu hồi trong năm.

**6. Phải thu ngắn hạn khác**

- Thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ	69.087.331.615	9.084.777.997
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu được khấu trừ	47.912.838.989	-
- Tạm ứng	59.143.481.082	59.100.245.822
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	555.770.050	40.000.000.000
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	4.051.097.315	1.766.696.009
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng Hải S.T.S (*)	-	38.259.000.000
- Các đối tượng khác	1.535.161.674	835.839.259
<b>Cộng</b>	<b>182.285.680.725</b>	<b>149.046.559.087</b>

(\*) Bên liên quan.



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty TNHH MTV Minh Nguyệt	2.897.012.000	(2.897.012.000)	2.897.012.000	(2.897.012.000)
- DNTN Dịch vụ Thương mại Hải Long	1.446.839.586	(1.446.839.586)	1.446.839.586	(1.446.839.586)
- Công ty TNHH XD Dịch vụ Tư vấn XNK Kim Phát	1.177.940.000	(1.177.940.000)	1.177.940.000	(1.177.940.000)
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại DAT	-	-	1.300.714.089	(1.300.714.089)
- Công ty TNHH Phong Huy Vân	41.852.000	(41.852.000)	41.852.000	(41.852.000)
- Ông Thái Tấn Phát	200.000.000	(200.000.000)	200.000.000	(200.000.000)
- Công ty TNHH MTV Vận tải XD Tấn Hoàng	170.113.583	(85.056.792)	170.113.583	(85.056.792)
<b>Cộng</b>	<b>5.933.757.169</b>	<b>(5.848.700.378)</b>	<b>7.234.471.258</b>	<b>(7.149.414.467)</b>

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	666.260.790.567	499.960.375.244
- Nguyên liệu, vật liệu	69.916.950.229	69.379.993.303
- Công cụ, dụng cụ	438.815.041	1.744.512.513
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	124.950.000	207.000.000
- Thành phẩm	504.480.708.740	519.667.183.898
- Hàng hoá	1.487.659.127.236	1.787.018.052.058
<b>Cộng</b>	<b>2.728.881.341.813</b>	<b>2.877.977.117.016</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

**9. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Nội dung	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
- Công cụ dụng cụ	1.343.016.114	6.298.401.457	(3.552.214.032)	4.089.203.539
- Chi phí bảo hiểm, sửa chữa, chi phí khác	9.237.375.492	43.866.325.466	(45.163.923.022)	7.939.777.936
<b>Cộng</b>	<b>10.580.391.606</b>	<b>50.164.726.923</b>	<b>(48.716.137.054)</b>	<b>12.028.981.475</b>

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>10. Thuế GTGT được khấu trừ</b>	<b>72.323.879.941</b>	<b>53.298.054.966</b>

Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ và TSCĐ mua vào.

**11. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước**

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	215.551.740	215.551.740
- Thuế Thu nhập cá nhân	668.878.716	9.638.209
- Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	6.757.002	6.757.002
<b>Cộng</b>	<b>891.187.458</b>	<b>231.946.951</b>

<b>12. Phải thu dài hạn của khách hàng</b>	<b>-</b>	<b>3.789.171.680</b>
--	----------	----------------------

Phải thu dài hạn của các khách hàng thuộc hoạt động kinh doanh Bất động sản.

<b>13. Trả trước cho người bán dài hạn</b>	<b>13.184.628.740</b>	<b>13.184.628.740</b>
--	-----------------------	-----------------------

Khoản trả trước cho Ban Quản lý Khu kinh tế Tỉnh Bình Phước.



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

**14. Phải thu dài hạn khác**

- Ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư Cảng Cạn An Sơn	21.033.179.445	-
- Đặt cọc Hợp đồng thực hiện dự án Kho xăng dầu Cục Hậu cần QK7	20.000.000.000	20.000.000.000
- Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án Nha Bích	-	1.967.250.000
- Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư cửa hàng xăng dầu	-	228.000.000
- Các đối tượng khác	11.700.000	6.700.000
<b>Cộng</b>	<b>41.044.879.445</b>	<b>22.201.950.000</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

**15. Tài sản cố định hữu hình**

<b>Nhóm TSCĐ</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>TSCĐ khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Chỉ tiêu</b>						
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	1.565.106.188.688	263.561.207.951	451.834.464.308	6.264.557.730	3.221.552.003	2.289.987.970.680
Mua trong năm	3.334.466.016	62.888.246.072	3.266.481.818	905.956.620	450.505.680	70.845.656.206
Đầu tư XDCB hoàn thành	73.442.977.377	33.760.763.935	9.373.042.325	396.030.000	359.603.621	117.332.417.258
Thanh lý, nhượng bán	(880.203.013)	(62.252.569.992)	(7.104.292.047)	(61.055.000)	-	(70.298.120.052)
Chuyển sang BĐS đầu tư	(328.264.919)	-	-	-	-	(328.264.919)
Số cuối năm	<b>1.640.675.164.149</b>	<b>297.957.647.966</b>	<b>457.369.696.404</b>	<b>7.505.489.350</b>	<b>4.031.661.304</b>	<b>2.407.539.659.173</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	666.325.124.404	131.480.933.606	289.933.156.555	4.944.494.406	2.845.961.362	1.095.529.670.333
Khấu hao trong năm	37.823.236.840	22.800.873.195	27.945.470.980	375.409.348	271.243.533	89.216.233.896
Thanh lý, nhượng bán	(689.779.154)	(10.331.737.520)	(7.104.292.047)	(61.055.000)	-	(18.186.863.721)
Chuyển sang BĐS đầu tư	(196.594.213)	-	-	-	-	(196.594.213)
Số cuối năm	<b>703.261.987.877</b>	<b>143.950.069.281</b>	<b>310.774.335.488</b>	<b>5.258.848.754</b>	<b>3.117.204.895</b>	<b>1.166.362.446.295</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	898.781.064.284	132.080.274.345	161.901.307.753	1.320.063.324	375.590.641	1.194.458.300.347
Số cuối năm	<b>937.413.176.272</b>	<b>154.007.578.685</b>	<b>146.595.360.916</b>	<b>2.246.640.596</b>	<b>914.456.409</b>	<b>1.241.177.212.878</b>
<b>Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng</b>						
Số đầu năm	17.906.236.538	32.791.580.964	102.784.713.512	1.664.967.217	1.738.604.003	156.886.102.234
Số cuối năm	<b>17.847.066.538</b>	<b>36.466.582.470</b>	<b>112.216.692.180</b>	<b>1.603.912.217</b>	<b>1.738.604.003</b>	<b>169.872.857.408</b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

**16. Tài sản cố định vô hình**

<b>Nhóm TSCĐ</b>	<b>Quyền sử dụng đất [a]</b>	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Giấy phép và GP nhượng quyền [b]</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Chỉ tiêu</b>				
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	428.769.224.785	849.440.000	318.181.819	429.936.846.604
Mua trong năm	5.364.449.549	427.907.000	-	5.792.356.549
Số cuối năm	<b>434.133.674.334</b>	<b>1.277.347.000</b>	<b>318.181.819</b>	<b>435.729.203.153</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	99.328.598.852	482.424.023	294.317.877	100.105.340.752
Khấu hao trong năm	6.995.092.457	169.888.008	23.863.942	7.188.844.407
Số cuối năm	<b>106.323.691.309</b>	<b>652.312.031</b>	<b>318.181.819</b>	<b>107.294.185.159</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	329.440.625.933	367.015.977	23.863.942	329.831.505.852
Số cuối năm	<b>327.809.983.025</b>	<b>625.034.969</b>	<b>-</b>	<b>328.435.017.994</b>

- [a] Là Quyền sử dụng đất tại các Cửa hàng xăng dầu, Công ty con, Chi nhánh và Đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty.
- [b] Là Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1402/GP-BTNMT ngày 14 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cho phép Khu công nghiệp Sóng Thần 1 xả nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn xả ra kênh Ba Bò, chảy vào rạch Vĩnh Bình, sau đó đổ ra sông Sài Gòn. Thời hạn của giấy phép là 10 năm.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

**17. Bất động sản đầu tư**

<b>Nhóm BDS</b>	<b>Quyền sử dụng đất [a]</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc tại CN HCM [b]</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc tại Cao ốc Bình Dương</b>	<b>Nhà xưởng và văn phòng cho thuê</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Chỉ tiêu</b>					
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	155.738.416.055	22.486.765.076	34.271.436.844	13.527.536.260	226.024.154.235
Tăng khác (*)	-	-	-	328.264.919	328.264.919
Số cuối năm	<b>155.738.416.055</b>	<b>22.486.765.076</b>	<b>34.271.436.844</b>	<b>13.855.801.179</b>	<b>226.352.419.154</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	20.708.594.973	7.460.513.766	8.239.813.636	11.752.916.651	48.161.839.026
Khấu hao trong năm	523.021.476	444.125.652	1.312.518.816	299.480.231	2.579.146.175
Tăng khác (*)	-	-	-	196.594.213	196.594.213
Số cuối năm	<b>21.231.616.449</b>	<b>7.904.639.418</b>	<b>9.552.332.452</b>	<b>12.248.991.095</b>	<b>50.937.579.414</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	135.029.821.082	15.026.251.310	26.031.623.208	1.774.619.609	177.862.315.209
Số cuối năm	<b>134.506.799.606</b>	<b>14.582.125.658</b>	<b>24.719.104.392</b>	<b>1.606.810.084</b>	<b>175.414.839.740</b>

(\*) Tăng do phân loại lại từ Tài sản cố định hữu hình chuyển sang (Tham chiếu thuyết minh V.15).

[a] Bao gồm:

- Quyền sử dụng đất lâu dài tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Cao ốc Bình Dương;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê lại đất số 025/NTC-THALEXIM ngày 18 tháng 6 năm 2007 và Phụ lục Hợp đồng thuê lại đất số PL001/NTC-THALEXIM ngày 06 tháng 8 năm 2009 đã ký với Công ty CP



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (Đất thuê còn lại sau khi thanh lý, nhượng bán có thời hạn sử dụng đất đến ngày 24/10/2054).

- [b] Tòa nhà Cao ốc văn phòng tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 02 năm 1997.

**18. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Khu nhà Thương mại An Bình	19.842.941.801	19.842.941.801
- Khu nhà Thương mại Phú Thọ, Thanh Lễ	18.130.928.479	11.231.353.569
<b>Cộng</b>	<b>37.973.870.280</b>	<b>31.074.295.370</b>

**19. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

- Khu Kho cảng An Sơn	301.753.552.285	346.227.346.115
- Kho xăng dầu Phú Quốc	171.225.638.972	170.949.172.305
- Cải tạo tổng kho XD Chánh Mỹ	41.675.730.866	41.098.746.977
- Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	31.496.511.606	31.254.049.234
- Hệ thống cửa hàng xăng dầu	5.553.919.197	11.968.647.652
- Khu Nha Bích	-	139.899.834.185
- Trung tâm Thương mại Thanh Lễ Phú Giáo	-	50.961.865.686
- Các công trình, dự án khác	24.218.151.023	43.773.773.114
<b>Cộng</b>	<b>575.923.503.949</b>	<b>836.133.435.268</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

**20. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

		Số cuối năm	Số đầu năm
20.1	Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	292.232.608.749	288.488.501.289
20.2	Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương	59.410.153.150	55.007.440.157
	<b>Cộng</b>	<b>351.642.761.899</b>	<b>343.495.941.446</b>

20.1 Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (UPCoM: MVC). Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty nắm giữ 25.000.000 Cổ phiếu, chiếm 25% Vốn điều lệ của Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương.

20.2 Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương (UPCoM: AFC). Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty nắm giữ 3.743.327 Cổ phiếu, chiếm 35,02% Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương.

Tình hình biến động của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết như sau:

Nội dung	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng BD	Công ty CP Nông Lâm nghiệp BD	Cộng
<b>Giá gốc khoản đầu tư</b>	<b>256.458.010.136</b>	<b>37.937.734.355</b>	<b>294.395.744.491</b>
<b>Lợi nhuận lũy kế khoản đầu tư</b>			
- Số đầu năm	32.030.491.153	17.069.705.802	49.100.196.955
- Lợi nhuận trong năm	15.873.835.635	7.613.848.300	23.487.683.935
- Phân phối lợi nhuận trong năm	(12.129.728.175)	(3.211.135.307)	(15.340.863.482)
+ Nhận cổ tức	(10.750.000.000)	(2.620.328.900)	(13.367.448.766)
+ Trích quỹ KTPL, điều chỉnh khác	(1.379.728.175)	(590.806.407)	(1.973.414.716)
- Số cuối năm	<b>35.774.598.613</b>	<b>21.472.418.795</b>	<b>57.247.017.408</b>
<b>Giá trị khoản đầu tư liên kết</b>			
- Số đầu năm	288.488.501.289	55.007.440.157	343.495.941.446
- Số cuối năm	<b>292.232.608.749</b>	<b>59.410.153.150</b>	<b>351.642.761.899</b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

**21. Chi phí trả trước dài hạn**

Nội dung	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
- Chi phí sửa chữa, cải tạo	15.148.031.312	12.646.331.728	(11.673.922.087)	16.120.440.953
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.192.571.536	-	(397.523.853)	795.047.683
- Lợi thế kinh doanh bổ sung (*)	307.416.581.721	-	(76.854.145.430)	230.562.436.291
- Công cụ dụng cụ và các chi phí khác	7.542.050.388	3.719.638.595	(6.614.637.834)	4.647.051.149
<b>Cộng</b>	<b>331.299.234.957</b>	<b>16.365.970.323</b>	<b>(95.540.229.204)</b>	<b>252.124.976.076</b>

- (\*) Khoản tiền ghi nhận theo Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng đất và Thông báo số 53/TB-UBND ngày 22/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc xác định giá trị khu đất thuê lại thuộc Khu công nghiệp Nam Tân Uyên.

Tổng Công ty phân bổ trong thời hạn 4 năm (2024 – 2027), căn cứ Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/08/2012 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước.

**22. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả hoạt động kinh doanh xăng dầu	908.586.983.892	429.602.570.987
- Phải trả hoạt động kinh doanh Bất động sản	8.350.790.155	1.668.075.108
- Phải trả hoạt động dịch vụ và các hoạt động khác	96.610.325.630	106.068.646.051
<b>Cộng</b>	<b>1.013.548.099.677</b>	<b>537.339.292.146</b>

Trong đó số dư với Bên liên quan:

+ Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	-	258.468.088
--	---	-------------

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

**23. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

- Trả trước hoạt động kinh doanh xăng dầu	831.367.799	7.787.634.080
- Trả trước hoạt động kinh doanh Bất động sản	250.000.000	250.000.000
- Trả trước hoạt động dịch vụ và các hoạt động khác	90.120.960	430.761.575
<b>Cộng</b>	<b>1.171.488.759</b>	<b>8.468.395.655</b>

Trong đó số dư với Bên liên quan:

+ Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	-	7.073.647.554
--	---	---------------

**24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Phải nộp trong năm (*)	Thực nộp trong năm (*)	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng	2.588.079.776	242.284.234.559	238.947.491.421	5.924.822.914
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	979.643.881.399	931.731.042.410	47.912.838.989
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt (*)	-	534.697.469.153	521.226.114.009	13.471.355.144
- Thuế Xuất, Nhập khẩu (*)	-	21.307.645	21.307.645	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	30.323.581.135	12.505.289.350	38.680.680.255	4.148.190.230
- Thuế Thu nhập cá nhân	387.017.353	4.165.189.651	4.083.672.823	468.534.181
- Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	(6.757.002)	8.498.680.780	8.498.680.780	(6.757.002)
- Thuế bảo vệ môi trường	127.663.473.200	1.625.850.142.087	1.600.593.127.453	152.920.487.834
- Thu hộ Phí sử dụng đường bộ; Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	61.240.000	82.407.739.657	82.415.579.657	53.400.000
<b>Cộng</b>	<b>161.016.634.462</b>	<b>3.490.073.934.281</b>	<b>3.426.197.696.453</b>	<b>224.892.872.290</b>



# TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

*Trong đó:*

- Thuế phải nộp	161.248.581.413	-	225.784.059.748
Thuế nộp thừa	(231.946.951)	-	(891.187.458)
(Tham chiếu V.11)			

- (\*) Số phải nộp, thực nộp trong năm được trình bày theo số thuần (đã bù trừ với số thuế của hàng nhập khẩu được hoàn).

## Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng

- \* Không chịu thuế : Chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, Dịch vụ công ích chăm sóc cây xanh đô thị, vận hành chiếu sáng công cộng
- \* Không kê khai thuế : Hoa hồng đại lý bảo hiểm, lệ phí cấp GCN kiểm định, phí sử dụng đường bộ
- \* 5% : Nước sinh hoạt
- \* 8% và 10% : Xăng, dầu, nhớt các loại; đá xây dựng; cho thuê văn phòng, nhà xưởng, cung cấp dịch vụ...

## Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất áp dụng

- \* 8% : Xăng E5 Ron 92
- \* 10% : các loại xăng khác
- \* 20% : hoạt động kinh doanh Gôn

## Thuế Xuất, Nhập khẩu

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Hải quan. Tổng Công ty được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu xăng dầu theo các Thông tư sau:

- Thông tư 156/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2018-2022.

## **TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LÊ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

---

- Thông tư số 149/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2018-2022.

### **Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)**

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp: 20%.

### **Các khoản Phí, lệ phí phải nộp**

- Thu hộ Lệ phí cấp giấy chứng nhận và nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Thông tư 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016, Thông tư 36/2022/TT-BTC ngày 16/06/2022 của Bộ Tài chính quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 199/2016/TT-BTC (có hiệu lực từ ngày 01/08/2022) quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận đảm bảo chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.
- Thu hộ Phí sử dụng đường bộ và nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Thông tư số 70/2021/TT-BTC ngày 12/08/2021 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

### **Các loại thuế khác**

Tổng Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

**25. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí lãi vay	4.084.619.349	7.305.890.943
- Phí thuê kho tại CN Hải Phòng	1.446.878.635	-
- Chi phí tiền thưởng cho đội tàu	1.042.473.300	-
- Phí môi giới	413.364.184	413.364.184
- Chi phí gia công chế biến đá	-	127.998.000
- Giá vốn bất động sản phải trả	-	14.880.000.000
- Chi phí khác	302.992.725	946.443.698
<b>Cộng</b>	<b>7.290.328.193</b>	<b>23.673.696.825</b>

**26. Phải trả ngắn hạn khác**

- Kinh phí công đoàn	443.340.046	394.440.046
- Phải trả Upas LC tại các Ngân hàng TMCP	303.535.199.560	-
- Cổ tức phải trả cho cổ đông không kiểm soát	8.143.375.000	8.143.375.000
- Phí bảo trì Cao ốc Bình Dương	1.377.880.800	1.377.880.800
- Cổ tức còn phải trả cho cổ đông (Tổng Công ty)	128.944.640	79.885.405
- Công ty Cổ phần Giang Nam Logistics	-	130.872.297.733
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	628.867.097	1.576.195.789
- Các khoản phải trả khác	1.739.669.967	761.247.485
<b>Cộng</b>	<b>315.997.277.110</b>	<b>143.205.322.258</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

**27. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

		Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Phân loại nợ đến hạn	Số cuối năm
27.1	Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Bình Dương	1.201.524.468.448	4.882.390.027.891	(5.391.410.522.122)	-	692.503.974.217
27.2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Bình Dương	104.995.963.505	355.162.433.516	(410.158.397.021)	-	50.000.000.000
27.3	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu VN - CN Bình Dương	100.000.000.000	289.529.270.595	(389.529.270.595)	-	-
27.4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Bình Dương	1.597.994.386.496	4.784.517.867.415	(5.254.940.454.821)	-	1.127.571.799.090
27.5	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở HCM	-	368.199.812.688	(368.199.812.688)	-	-
27.6	Ngân hàng TMCP Quốc tế VN - CN Quận 10	332.087.357.912	1.522.503.703.326	(1.259.158.963.666)	-	595.432.097.572
27.7	Malayan Banking Berhad - CN TP HCM	240.805.855.518	1.165.543.872.320	(1.406.349.727.838)	-	-
27.8	Ngân hàng TMCP Hàng hải VN - CN TP HCM	-	701.548.280.199	(680.529.997.411)	-	21.018.282.788
27.9	Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - CN Sài Gòn	406.030.337.682	2.252.699.050.929	(2.163.112.624.737)	-	495.616.763.874



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

		Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Phân loại nợ đến hạn	Số cuối năm
27.10	The Siam Commercial Bank Public Company Limited – CN TP Hồ Chí Minh	264.142.107.071	1.105.608.508.844	(1.222.036.852.337)	-	147.713.763.578
27.11	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bình Dương	-	399.926.758.275	(399.926.758.275)	-	-
27.12	Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (VN) - CN TP HCM	273.161.117.388	2.091.917.543.554	(2.182.611.600.496)	-	182.467.060.446
27.13	Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM - CN TT KD DN lớn HCM	267.863.525.658	698.374.584.339	(607.920.768.769)	-	358.317.341.228
27.14	Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN – Hội sở miền Nam	-	206.349.955.719	-	-	206.349.955.719
27.15	Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Bình Dương (Nợ dài hạn đến hạn trả)	2.402.800.000	-	(2.402.800.000)	1.604.400.000	1.604.400.000
	<b>Cộng</b>	<b>4.791.007.919.678</b>	<b>20.824.271.669.610</b>	<b>(21.738.288.550.776)</b>	<b>1.604.400.000</b>	<b>3.878.595.438.512</b>

**27.1 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương**

Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2023-HĐCVHM/NHCT640-TCT Thanh Lễ ngày 28/4/2023, Bản ghi nhớ giới hạn tín dụng ngày 28/4/2023, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2024-HĐCV-SĐBS01/NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 24/5/2024, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2024-HĐCV-SĐBS02/NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 10/10/2024, cụ thể:

- Giới hạn tín dụng : 1.400.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/12/2024
- Thời hạn vay : Theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 3 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp một số máy móc thiết bị và QSDĐ

**27.2 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương**

theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng cấp tín dụng số 092K23-THALE ngày 28/9/2023, cụ thể:

- Giới hạn tín dụng : 55.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 27/9/2024
- Thời hạn vay : Theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 3 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
- Số dư cuối năm : 0 Đồng



## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

Hợp đồng cho vay hạn mức số 106B23 –XDDB ngày 31/10/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 50.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng (kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/10/2024)
- Mục đích vay : Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định.
- Lãi suất : Lãi suất cho vay theo chương trình cho vay ngắn hạn đối với khách hàng bán buôn năm 2023 là 5,5%/ năm (áp dụng đến hết ngày 31/3/2024)
- Số dư cuối năm : 50.000.000.000 Đồng

### 27.3 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng tín dụng số 1800-LAV-230079141 ngày 27/9/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 300.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : Đến hết ngày 26/9/2024
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng, quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh
- Lãi suất : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

### 27.4 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/83406/HĐTD ngày 12/9/2024 với các nội dung sau:

- Hạn mức vay : 2.000.000.000.000 Đồng gồm cả VNĐ và ngoại tệ quy đổi
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/8/2025
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, thanh chi, phát hành bảo lãnh, mở L/C, nhờ thu, bao thanh toán, chiết khấu bộ chứng từ phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp một số QSDĐ, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

**27.5 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) - Hội sở TPHCM**

Theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số BCLC-669-1 ngày 17/8/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 400.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng và được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Lãi suất : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

**27.6 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Quận 10**

Theo Hợp đồng tín dụng số 8259116.24 ngày 16/5/2024, cụ thể:

- Hạn mức vay : 600.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Thời hạn vay : Tối đa 6 tháng kể từ ngày giải ngân và được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản



**27.7 Vay ngắn hạn Ngân hàng Malayan Banking Berhad (MayBank) - Chi nhánh TPHCM**

Theo Hợp đồng số HCMC-HN/ SLO/THALEXIM/2018/02 ngày 27/11/2018 và các Thư tái tục khoản tín dụng số MBB/HCMC/SLO/ 2019/THALEXIM/52 ngày 02/12/2019; Thư tái tục khoản tín dụng số MBB/HCMC/LO/2020/THALEXIM/97 ngày 30/11/2020; Thư tái tục khoản tín dụng số MBB/HCMC/LO/2021/THALEXIM/27 ngày 22/4/2021; Thư tái tục khoản tín dụng số MBB/HCMC/LO/2021/THALEXIM/131 ngày 09/12/2021; Thư tái tục khoản tín dụng số MBB/HCMC/SLO/2021/THALEXIM/89 ngày 13/12/2022; Thư tái tục khoản tín dụng số MBB/HCMC/ LO/2023/THALEXIM/103 ngày 23/11/2023;

Các điều khoản cơ bản như sau:

- Hạn mức vay : 11.000.000 USD
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 23/11/2024
- Mục đích vay : Thư tín dụng L/C, Cho vay tín thác, Tài trợ hoá đơn, Tín dụng tuần hoàn, Bảo lãnh, Hợp đồng mua bán ngoại hối
- Lãi suất : Thư tín dụng (L/C): Lãi suất cho vay cơ bản + biên độ 1,25%/năm; Hợp đồng mua bán ngoại hối (FEC): Theo quy định của NHNN Việt Nam
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

**27.8 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh TPHCM**

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 156301/2023/HĐTD ngày 27/12/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 500.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Thời hạn vay : Không quá 3 tháng và được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

**27.9 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển (PG Bank) - Chi nhánh Sài Gòn**

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 441/2024/0056/HĐTDHM-DN/PGBank.SG ngày 23/8/2024, cụ thể:

- Hạn mức vay : 600.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 23/8/2025
- Thời hạn vay : Theo từng khế ước nhận nợ nhưng không quá 3 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C
- Lãi suất : Xác định theo từng Khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

**27.10 Vay ngắn hạn Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh**

Theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số HĐTD.024/SCB.HCM/2022 ngày 30/11/2022; Thư gia hạn ngày 30/11/2023; Hợp đồng sửa đổi lần thứ nhất của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số HĐTD.024/SCB.HCM/2022 ngày 23/10/2023 và Thư gia hạn ngày 29/11/2024; cụ thể:

- Hạn mức vay : 12.000.000 USD
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 29/11/2025
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu
- Thời hạn vay : Không quá 3 tháng và được quy định cụ thể tại Thông báo rút vốn
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

**27.11 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Bình Dương**

Theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 200/2023/HDTD/BDG ngày 28/8/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 369.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C
- Thời hạn vay : Không quá 6 tháng và được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Lãi suất : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

**27.12 Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh TP HCM**

Theo Hợp đồng tín dụng số UOB/HCMC/CB-1422 ngày 12/6/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 20.000.000 USD
- Thời hạn cấp hạn mức : 01 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng và sẽ được tự động gia hạn nhiều lần cho các kỳ kế tiếp và mỗi lần gia hạn là 01 năm trừ khi có thông báo khác bằng văn bản của Ngân hàng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, mở L/C phục vụ hoạt động kinh doanh
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

**27.13 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM - Chi nhánh Trung tâm Kinh doanh Doanh nghiệp lớn HCM**

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 20726/22MN/HĐTD ngày 20/6/2022, cụ thể:

- Hạn mức vay : 500.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 36 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

**27.14 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam**

Theo Hợp đồng cấp tín dụng số CIB20242271846/HĐCTD ngày 24/10/2024, cụ thể:

- Hạn mức vay : 500.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh
- Lãi suất, Thời hạn vay : Được quy định cụ thể tại Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Thẻ chấp QSDĐ, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

**27.15 Vay dài hạn Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Bình Dương**

Các khoản nợ vay Quỹ Bảo vệ Môi trường Tỉnh Bình Dương đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số V.34) theo các Hợp đồng tín dụng (HĐTD) sau:

	Số đầu năm	Phân loại Nợ đến hạn	Trả nợ vay trong năm	Số cuối năm
- HĐTD số 11/2019 mua 2 xe ép rác	798.400.000	-	(798.400.000)	-
- HĐTD số 04/2021 mua 2 xe ép rác	800.400.000	800.400.000	(800.400.000)	800.400.000
- HĐTD số 01/2023 mua 1 xe ép rác	804.000.000	804.000.000	(804.000.000)	804.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.402.800.000</b>	<b>1.604.400.000</b>	<b>(2.402.800.000)</b>	<b>1.604.400.000</b>

Nợ vay dài hạn đến hạn trả theo các Hợp đồng tín dụng (Tham chiếu Tham chiếu V.34.2).

**28. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi**

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	47.529.808.300	56.992.232.280
- Bổ sung từ lợi nhuận	18.991.023.935	7.720.724.415
- Tăng khác	63.006.620	9.820.939
- Chi trong năm	(19.129.104.172)	(17.192.969.334)
<b>- Số cuối năm</b>	<b>47.454.734.683</b>	<b>47.529.808.300</b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

**29. Quỹ bình ổn giá**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Số cuối năm
- Quỹ bình ổn giá	384.328.214.236	-	384.328.214.236
- Lãi quỹ bình ổn giá	5.746.973.864	783.007.208	6.529.981.072
<b>Cộng</b>	<b>390.075.188.100</b>	<b>783.007.208</b>	<b>390.858.195.308</b>

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>30. Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>22.024.200.000</b>	<b>22.024.200.000</b>

Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân.

<b>31. Người mua trả tiền trước dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>4.500.000.000</b>
---	----------	----------------------

Các khoản nhận trước tiền của khách hàng thuộc hoạt động kinh doanh Bất động sản tại Khu dân cư An Sơn.

**32. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

Tiền thuê dài hạn nhận trước đối với hoạt động kinh doanh cho thuê hạ tầng khu công nghiệp và văn phòng làm việc:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	243.656.990.867	255.809.235.875
- Doanh thu đã thực hiện trong năm	(12.152.245.008)	(12.152.245.008)
- Số cuối năm	<b>231.504.745.859</b>	<b>243.656.990.867</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

**33. Phải trả dài hạn khác**

Tiền nhận ký quỹ, ký cược dài hạn:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH ScanCom Việt Nam	5.160.279.960	4.928.833.800
- Công ty TNHH Dong-A Vina	3.894.432.318	3.719.761.290
- Công ty CP Dầu nhờn S.T.S	2.303.083.280	2.303.083.280
- Công ty TNHH Nhựa Tai Yuan Bình Dương	2.159.161.704	2.062.320.120
- Công ty CP Vacxin Việt Nam - CN Bình Dương	1.200.000.000	1.200.000.000
- Công ty CP Dae Kwang Apparel	-	2.440.500.000
- Các đối tượng khác	8.295.655.780	7.892.871.660
<b>Cộng</b>	<b>23.012.613.042</b>	<b>24.547.370.150</b>

**34. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Phân loại Nợ đến hạn	Số cuối năm
34.1 Ngân hàng TMCP Hàng hải VN	26.500.000.000	-	(10.600.000.000)	-	15.900.000.000
34.2 Quỹ Bảo vệ Môi trường Tỉnh Bình Dương	4.124.800.000	23.079.393.000	(1.260.330.000)	(1.604.400.000)	24.339.463.000
<b>Cộng</b>	<b>30.624.800.000</b>	<b>23.079.393.000</b>	<b>(11.860.330.000)</b>	<b>(1.604.400.000)</b>	<b>40.239.463.000</b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

**34.1 Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam**

Theo Hợp đồng cho vay số 567/2021/HĐCV ngày 05/7/2021 với các điều khoản sau:

- Số tiền vay : 53.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : 60 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên
- Mục đích vay : Đầu tư các cửa hàng xăng dầu tại Bình Phước
- Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
- Dư nợ 31/12/2024 : 15.900.000.000 Đồng

Trong đó nợ đến hạn trong vòng 12 tháng : 10.600.000.000 Đồng

**34.2 Vay dài hạn Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Bình Dương**

Các khoản Vay dài hạn của Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Bình Dương theo các Hợp đồng tín dụng (HĐTD) sau:

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Chuyển Nợ đến hạn	Số cuối năm
HĐTD số 02/2024					
- cải tạo NM XLNT Sóng Thần 1	-	23.079.393.000	(1.260.330.000)	-	21.819.063.000
HĐTD số 04/2021					
- mua 2 xe ép rác (*)	1.598.800.000	-	-	(800.400.000)	798.400.000
HĐTD số 01/2023					
- mua 1 xe ép rác (*)	2.526.000.000	-	-	(804.000.000)	1.722.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.124.800.000</b>	<b>23.079.393.000</b>	<b>(1.260.330.000)</b>	<b>(1.604.400.000)</b>	<b>24.339.463.000</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

**Một số điều khoản của các Hợp đồng tín dụng như sau:**

- \* Hợp đồng tín dụng số 02/2024/HĐTD ngày 15/5/2024 với các điều khoản sau:
  - Số tiền vay : 23.079.393.000 Đồng
  - Thời hạn vay : 84 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản vay đầu tiên
  - Mục đích vay : Đầu tư cải tạo Nhà máy Xử lý nước thải Sóng Thần 1, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương
  - Lãi suất cho vay : 3%/năm cố định trong suốt thời hạn vay vốn
  - Tài sản đảm bảo : Bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương
  - Số dư cuối năm : 21.819.063.000 Đồng,  
trong đó Nợ đến hạn trả là 3.314.280.000 Đồng.
- \* Hợp đồng tín dụng số 11/2019/HĐTD ngày 09/12/2019 và Phụ lục hợp đồng ngày 27/12/2019:
  - Mục đích vay : Đầu tư mua 2 xe chuyên dụng phục vụ công tác thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt
  - Thời hạn vay : 60 tháng
  - Số tiền vay : 4.000.000.000 Đồng
  - Lãi suất : Lãi suất 3,6%/năm, trả lãi hàng tháng
  - Số dư cuối năm : 0 Đồng
- \* Hợp đồng tín dụng số 04/2021/HĐTD ngày 10/12/2021:
  - Mục đích vay : Đầu tư mua 2 xe chuyên dụng phục vụ công tác thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt
  - Thời hạn vay : 60 tháng
  - Số tiền vay : 4.000.000.000 Đồng
  - Lãi suất : Lãi suất 4,2%/năm, trả lãi hàng tháng
  - Số dư cuối năm : 1.598.800.000 Đồng,  
trong đó Nợ đến hạn trả là 800.400.000 Đồng.



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

---

\* Hợp đồng tín dụng số 01/2023/HĐTD ngày 08/02/2023:

- Mục đích vay : Đầu tư mua 1 xe chuyên dụng phục vụ công tác thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt
- Thời hạn vay : 60 tháng
- Số tiền vay : 4.000.000.000 Đồng
- Lãi suất : Lãi suất 4,2%/năm, trả lãi hàng tháng
- Số dư cuối năm : 2.526.000.000 Đồng,  
trong đó Nợ đến hạn trả là 804.000.000 Đồng.

(\*) Các Hợp đồng tín dụng nêu trên được đảm bảo bằng các Tài sản hình thành từ vốn vay và các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng (Thuyết minh số V.2) tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

**35. Vốn chủ sở hữu (CSH)**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>A Năm trước</b>				
35.1 Vốn góp của CSH	2.366.000.000.000	-	-	2.366.000.000.000
35.2 Cổ phiếu quỹ	(243.800.000)	-	-	(243.800.000)
35.3 Chênh lệch đánh giá lại Tài sản	(25.242.423.594)	-	-	(25.242.423.594)
35.4 Quỹ đầu tư phát triển	15.504.298.185	253.000.000	-	15.757.298.185
35.5 Lợi nhuận sau thuế CPP	42.289.145.822	112.824.696.181	(8.871.673.791)	146.242.168.212
35.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	224.041.047.203	8.149.471.789	(8.197.019.748)	223.993.499.244
<b>Cộng</b>	<b>2.622.348.267.616</b>	<b>121.227.167.970</b>	<b>(17.068.693.539)</b>	<b>2.726.506.742.047</b>
<b>B Năm nay</b>				
35.1 Vốn góp của CSH	2.366.000.000.000	-	-	2.366.000.000.000
35.2 Cổ phiếu quỹ	(243.800.000)	-	-	(243.800.000)
35.3 Chênh lệch đánh giá lại Tài sản	(25.242.423.594)	-	-	(25.242.423.594)
35.4 Quỹ đầu tư phát triển	15.757.298.185	16.773.235.044	-	32.530.533.229
35.5 Lợi nhuận sau thuế CPP	146.242.168.212	72.604.364.722	(111.273.676.053)	107.572.856.881
35.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	223.993.499.244	147.754.418.107	(8.458.576.408)	363.289.340.943
<b>Cộng</b>	<b>2.726.506.742.047</b>	<b>237.132.017.873</b>	<b>(119.732.252.461)</b>	<b>2.843.906.507.459</b>



### 35.1 *Vốn góp của chủ sở hữu*

- Mệnh giá cổ phiếu	10.000	Đồng/CP
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	236.600.000	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	236.600.000	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	(20.100)	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	236.579.900	Cổ phiếu
- Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	236.579.900	Cổ phiếu

Chi tiết vốn góp của các cổ đông như sau:

Cổ đông	Số cuối năm (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)	Số đầu năm (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
- Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương	85.176.000	36,00%	85.176.000	36,00%
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị Hướng Dương	-	-	37.856.000	16,00%
- Các cổ đông khác	151.424.000	64,00%	113.568.000	48,00%
<b>Cộng</b>	<b>236.600.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>236.600.000</b>	<b>100,00%</b>

### 35.2 *Cổ phiếu quỹ*

Tổng Công ty đã mua lại 20.100 cổ phiếu theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 10/2019/NQ-HĐQT ngày 06/5/2019. Thời gian mua lại cổ phiếu quỹ từ ngày 24/6/2019 đến ngày 22/7/2019.

### 35.3 *Chênh lệch đánh giá lại tài sản*

Tại khoản 5, Điều 14, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất quy định: “Đối với các công ty mẹ được cổ phần hoá từ công ty Nhà nước, khi xác định giá trị doanh nghiệp, công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư vào công ty con. Khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ và phần sở hữu của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được trình bày vào chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” của Bảng cân đối kế toán hợp nhất”.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

Tình hình biến động khoản Chênh lệch đánh giá lại tài sản như sau:

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	17.738.905.964	17.738.905.964
- Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	515.380.782	515.380.782
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	6.988.136.848	6.988.136.848
<b>Cộng</b>	<b>25.242.423.594</b>	<b>25.242.423.594</b>

**35.4 Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ phân phối lợi nhuận, chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	15.757.298.185	15.504.298.185
- Trích trong năm	16.773.235.044	253.000.000
- Số cuối năm	<b>32.530.533.229</b>	<b>15.757.298.185</b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

**35.5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (CPP)**

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	146.242.168.212	42.289.145.822
- Điều chỉnh lợi nhuận CPP năm trước	(1.969.675.769)	(950.768.344)
- Phân phối lợi nhuận của năm trước	(99.709.586.669)	(1.013.000.000)
+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển	(14.358.921.851)	(253.000.000)
+ Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	(9.572.614.568)	(760.000.000)
+ Trích Quỹ Khen thưởng Ban Điều hành	(2.201.701.350)	-
+ Chia cổ tức	(73.576.348.900)	-
- Lợi nhuận CPP năm trước chuyển năm nay	44.562.905.774	40.325.377.478
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	72.604.364.722	112.824.696.181
- Phân phối lợi nhuận năm nay	(9.594.413.615)	(6.907.905.447)
+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển	(2.414.313.193)	-
+ Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	(6.804.353.620)	(6.536.040.265)
+ Trích Quỹ Khen thưởng Ban Điều hành	(375.746.802)	(371.865.182)
- Lợi nhuận CPP năm nay	63.009.951.107	105.916.790.734
- Lợi nhuận CPP lũy kế chuyển năm sau	107.572.856.881	146.242.168.212

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

**35.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Biến động Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong Vốn chủ sở hữu như sau:

Chỉ tiêu	Vốn góp của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>A Năm trước</b>				
- Số đầu năm	225.152.294.800	75.306.394	(1.186.553.991)	224.041.047.203
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-
- Lãi, lỗ trong năm	-	-	8.149.471.789	8.149.471.789
- Chia cổ tức	-	-	(8.144.200.780)	(8.144.200.780)
- Trích quỹ KTPL	-	-	(52.818.968)	(52.818.968)
- Số cuối năm	225.152.294.800	75.306.394	(1.234.101.950)	223.993.499.244
<b>B Năm nay</b>				
- Số đầu năm	225.152.294.800	75.306.394	(1.234.101.950)	223.993.499.244
- Tăng vốn trong năm	134.448.205.200	-	-	134.448.205.200
- Lãi, lỗ trong năm	-	-	13.306.212.907	13.306.212.907
- Chia cổ tức	-	-	(8.421.968.812)	(8.421.968.812)
- Trích quỹ KTPL	-	1.750.449.948	(1.787.057.544)	(36.607.596)
- Số cuối năm	359.600.500.000	1.825.756.342	1.863.084.601	363.289.340.943



**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN 2024**

	<b>ĐVT: Đồng</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>36. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu bán hàng hóa	19.140.341.204.948	17.459.265.141.913
- Doanh thu bán các thành phẩm	562.863.776.070	1.606.474.919.052
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	397.134.802.253	390.285.118.484
- Doanh thu kinh doanh, cho thuê BĐS	168.476.502.822	477.548.049.736
- Doanh thu khác	2.900.043.258	344.022.874
<b>Cộng Doanh thu thuần</b>	<b>20.271.716.329.351</b>	<b>19.933.917.252.059</b>
<b>37. Giá vốn hàng bán</b>		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	18.597.510.336.914	17.214.236.139.668
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	566.800.074.276	1.566.815.608.722
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	276.299.574.962	278.024.211.774
- Giá vốn kinh doanh, cho thuê BĐS	37.908.781.172	113.109.999.068
<b>Cộng</b>	<b>19.478.518.767.324</b>	<b>19.172.185.959.232</b>
<b>38. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.673.278.840	22.665.095.698
- Lãi chênh lệch tỷ giá	39.335.747.486	56.162.016.465
- Chiết khấu thanh toán	1.778.075.881	3.796.472.737
<b>Cộng</b>	<b>57.787.102.207</b>	<b>82.623.584.900</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**  
 Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)  
 Cho niên độ kế toán 2024

**39. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	207.336.698.518	212.694.756.581
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	63.126.073.913	73.189.779.056
<b>Cộng</b>	<b>270.462.772.431</b>	<b>285.884.535.637</b>

**40. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết**

- Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	15.873.835.635	15.330.313.047
- Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương	7.613.848.300	5.383.397.062
<b>Cộng</b>	<b>23.487.683.935</b>	<b>20.713.710.109</b>

**41. Chi phí bán hàng**

- Chi phí nhân viên bán hàng	79.114.156.526	73.538.638.953
- Chi phí vật liệu, bao bì	2.034.469.730	2.445.953.536
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.705.729.374	1.276.864.066
- Chi phí khấu hao TSCĐ	40.321.742.547	36.930.914.428
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	163.382.606.179	119.197.378.619
- Chi phí bằng tiền khác	123.059.120.580	88.885.173.949
<b>Cộng</b>	<b>409.617.824.936</b>	<b>322.274.923.551</b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**  
 Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)  
 Cho niên độ kế toán 2024

**42. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	47.891.520.251	41.618.197.588
- Chi phí vật liệu quản lý	857.964.807	1.085.419.611
- Chi phí đồ dùng văn phòng	585.480.751	378.325.976
- Chi phí khấu hao TSCĐ	7.080.562.847	5.164.576.702
- Thuế, phí và lệ phí	214.473.196	82.821.550
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.842.128.007	11.462.465.376
- Chi phí bằng tiền khác	31.952.973.309	39.646.678.658
<b>Cộng</b>	<b>107.425.103.168</b>	<b>99.438.485.461</b>

**43. Thu nhập khác**

- Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ	66.076.582.879	6.344.067.140
- Hoa hồng, phí đường bộ được hưởng	749.403.688	651.108.776
- Thu tiền điện, nước khách thuê, Thu nhập khác	5.613.965.643	6.697.197.614
<b>Cộng</b>	<b>72.439.952.210</b>	<b>13.692.373.530</b>

**44. Chi phí khác**

- Chi phí thanh lý tài sản cố định	56.891.264.237	4.880.634.350
- Các khoản tiền phạt	887.207.971	133.046.114
- Chi tiền điện, nước khách thuê, Chi phí khác	3.212.260.657	3.826.777.816
<b>Cộng</b>	<b>60.990.732.865</b>	<b>8.840.458.280</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

**45. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	98.415.866.979	162.322.558.437
- Điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế	110.382.305.380	96.236.190.257
- Điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế	(58.935.288.753)	(51.816.796.360)
- Chuyển lỗ SXKD của các năm trước	(87.336.436.853)	-
- Tổng Thu nhập tính thuế	62.526.446.753	206.741.952.334
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	12.505.289.350	41.348.390.467

**46. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**

- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	1.220.253.160	1.320.474.208
- Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	(204.522.961)	(216.358.334)
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	8.752.249.741	6.823.599.617
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	3.538.232.967	221.756.298
Cộng	13.306.212.907	8.149.471.789

**47. Lãi trên cổ phiếu**

- Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho Công ty mẹ	72.604.364.722	112.824.696.181
- Dự kiến phân phối Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	(13.223.732.386)	(18.682.221.365)
- Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	59.380.632.336	94.142.474.816
- Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	236.579.900	236.579.900
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	251	398
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	251	398

Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong niên độ kế toán và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.



## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	Công ty con
- Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	Công ty con
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	Công ty con
- Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Công ty liên doanh liên kết
- Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Công ty liên doanh liên kết
- Công ty Cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	Công ty có cùng thành viên HĐQT

#### *Giao dịch với các bên liên quan*

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập từ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng	4.795.192.309	3.837.019.232

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

- Các giao dịch giữa Tổng Công ty với các Công ty con, Công ty liên kết và các bên liên quan khác như sau:

❖ *Nợ phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Bên liên quan	Số đầu năm	Phải thu trong năm	Đã thu / giảm trong năm	Số cuối năm
Công ty TNHH				
- Xăng dầu Bình Dương [*]	199.987.901.407	2.747.176.325.325	2.745.436.911.669	201.727.315.063
Công ty TNHH				
- Vận tải Thủy bộ Bình Dương [*]	(8.596.568.050)	33.324.384.195	48.498.003.305	(23.770.187.160)
Công ty CP SX KD Thanh Lễ [*]	9.248.400	110.303.680	112.435.630	7.116.450
Công ty TNHH An				
- Sơn Bình Dương Logistics [*]	4.788.705	6.222.367.698	6.227.156.403	-
Công ty TNHH				
- Đăng kiểm Xe Cơ giới 61-05D [*]	-	1.323.131.000	1.323.131.000	-
Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	(7.067.354.554)	215.139.479.271	202.100.303.717	5.971.821.000
Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	491.151.977	119.385.755.215	118.394.360.726	1.482.546.466
<b>Cộng</b>	<b>184.829.167.885</b>	<b>3.122.681.746.384</b>	<b>3.122.092.302.450</b>	<b>185.418.611.819</b>

[\*] Số dư và giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

❖ *Nợ phải thu cổ tức, lãi, cho vay và phải thu khác*

Bên liên quan	Số đầu năm	Phải thu trong năm	Đã thu / giảm trong năm	Số cuối năm
Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương [*]	9.578.634.947	10.513.701.305	10.130.555.907	9.961.780.345
Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương [*]	4.800.000.000	2.609.022.529.235	2.609.022.529.235	4.800.000.000
Công ty TNHH Công trình Đô thị Bình Dương [*]	6.696.629.574	7.033.670.043	6.696.629.574	7.033.670.043
Công ty CP SX KD Thanh Lễ [*]	-	35.661.760	35.661.760	-
Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics [*]	185.000.000.000	-	185.000.000.000	-
Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	38.259.000.000	471.299.275.000	509.558.275.000	-
Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	8.000.000.000	2.695.041.230	10.695.041.230	-
Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	-	10.750.000.000	10.750.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>252.334.264.521</b>	<b>3.111.349.878.573</b>	<b>3.341.888.692.706</b>	<b>21.795.450.388</b>

[\*] Số dư và giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

❖ *Nợ phải trả mua hàng hóa, dịch vụ và phải trả khác*

Bên liên quan	Số đầu năm	Phải trả trong năm	Đã trả / giảm trong năm	Số cuối năm
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ BD [*]	4.955.252.456	298.195.429.064	298.413.971.346	4.736.710.174
- Công ty CP SXKD Thanh Lễ [*]	18.644.000	405.892.000	401.714.000	22.822.000
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D [*]	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	-	73.429.835.200	73.429.835.200	-
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	258.468.088	1.355.607.996	1.614.076.084	-
<b>Cộng</b>	<b>12.232.364.544</b>	<b>373.386.764.260</b>	<b>373.859.596.630</b>	<b>11.759.532.174</b>

[\*] Số dư và giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Thông tin về báo cáo bộ phận**❖ *Theo khu vực địa lý*

*Tổng Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý.*



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

❖ **Theo lĩnh vực kinh doanh**

Thông tin về Kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh năm nay:

Năm nay	Hoạt động kinh doanh xăng dầu	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Đầu tư tài chính và hoạt động khác	Tổng cộng
- Doanh thu thuần	19.698.211.211.761	165.265.571.642	408.239.545.948	20.271.716.329.351
- Giá vốn hàng bán	(19.160.705.448.465)	(37.504.054.345)	(280.309.264.514)	(19.478.518.767.324)
- <b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>537.505.763.296</b>	<b>127.761.517.297</b>	<b>127.930.281.434</b>	<b>793.197.562.027</b>
- Doanh thu HĐ tài chính	16.436.753	-	57.770.665.454	57.787.102.207
- Chi phí tài chính	(157.900.796.837)	(38.295.384.045)	(74.266.591.549)	(270.462.772.431)
- Phần lãi, lỗ trong LDLK	-	-	23.487.683.935	23.487.683.935
- Chi phí bán hàng	(277.697.432.082)	(99.604.543.198)	(32.315.849.656)	(409.617.824.936)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	(60.434.974.050)	(13.801.749.354)	(33.188.379.764)	(107.425.103.168)
- <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD</b>	<b>41.488.997.080</b>	<b>(23.940.159.300)</b>	<b>69.417.809.854</b>	<b>86.966.647.634</b>
- Thu nhập khác	124.117	-	72.439.828.093	72.439.952.210
- Chi phí khác	(12.855.808)	-	(60.977.877.057)	(60.990.732.865)
- <b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(12.731.691)</b>	<b>-</b>	<b>11.461.951.036</b>	<b>11.449.219.345</b>
- <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>41.476.265.389</b>	<b>(23.940.159.300)</b>	<b>80.879.760.890</b>	<b>98.415.866.979</b>
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	(1.536.030.402)	-	(10.969.258.948)	(12.505.289.350)
- <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>39.940.234.987</b>	<b>(23.940.159.300)</b>	<b>69.910.501.942</b>	<b>85.910.577.629</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

*Thông tin về Kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh năm trước:*

Năm trước	Hoạt động kinh doanh xăng dầu	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Đầu tư tài chính và hoạt động khác	Tổng cộng
- Doanh thu thuần	19.032.008.580.825	473.531.451.736	428.377.219.498	19.933.917.252.059
- Giá vốn hàng bán	(18.750.599.991.996)	(112.659.381.566)	(308.926.585.670)	(19.172.185.959.232)
- Lợi nhuận gộp	281.408.588.829	360.872.070.170	119.450.633.828	761.731.292.827
- Doanh thu HĐ tài chính	14.990.194	-	82.608.594.706	82.623.584.900
- Chi phí tài chính	(80.083.256.068)	(109.120.959.365)	(96.680.320.204)	(285.884.535.637)
- Phần lãi, lỗ trong LDLK	-	-	20.713.710.109	20.713.710.109
- Chi phí bán hàng	(199.030.105.805)	(95.338.621.980)	(27.906.195.766)	(322.274.923.551)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	(29.839.803.339)	(33.880.840.741)	(35.717.841.381)	(99.438.485.461)
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	(27.529.586.189)	122.531.648.084	62.468.581.292	157.470.643.187
- Thu nhập khác	-	-	13.692.373.530	13.692.373.530
- Chi phí khác	(717.445)	-	(8.839.740.835)	(8.840.458.280)
- Lợi nhuận khác	(717.445)	-	4.852.632.695	4.851.915.250
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(27.530.303.634)	122.531.648.084	67.321.213.987	162.322.558.437
- Thuế TNDN hiện hành	(1.688.458.952)	(27.383.406.889)	(12.276.524.626)	(41.348.390.467)
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	(29.218.762.586)	95.148.241.195	55.044.689.361	120.974.167.970



## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2024

### 3. Những khoản nợ ngẫu nhiên, khoản cam kết

Tổng Công ty không có tài sản tiềm tàng và nợ tiềm tàng có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 4. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 5. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính

Các văn bản luật ban hành có hiệu lực trong năm 2024 như sau:

- Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ, Quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội. Theo đó, giảm thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% xuống 8%. *Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024.*
- Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ, Quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Nghị định này thay thế Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ. *Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024.*
- Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. *Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024.*

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Ngân

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang